BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 95/2016/TT- BTC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 2549
ĐẾN Ngày: 04/8/16
Chuyển: ...

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về đăng ký thuế

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật số 21/2012/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về đăng ký thuế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thuế; thay đổi thông tin đăng ký thuế; chấm dứt hiệu lực mã số thuế, khôi phục mã số thuế, tạm ngừng kinh doanh; đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại, chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức; trách nhiệm quản lý và sử dụng mã số thuế.

Các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện đăng ký thuế cùng với việc đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành về đăng ký doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp không thành lập theo Luật doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và những nội dung liên quan đến quản lý thuế, đăng ký thuế của doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp nhưng chưa được quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành thì thực hiện đăng ký thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân thực hiện đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thuế và đăng ký kinh doanh) tại cơ quan đăng ký kinh doanh (sau đây gọi là Doanh nghiệp).

b) Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, luật sư, công chứng hoặc các lĩnh vực chuyên ngành khác không đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh (sau đây gọi là Tổ chức kinh tế).

c) Đơn vị sự nghiệp; đơn vị vũ trang; tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội, xã hội-nghề nghiệp hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh; tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu; hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã (sau đây gọi là Tổ chức kinh tế).

d) Tổ chức được thành lập bởi cơ quan có thẩm quyền không có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Tổ chức khác).

đ) Tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ thuế nhưng được hoàn thuế, gồm: Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA (sau đây gọi là Tổ chức khác).

e) Tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài hành nghề độc lập kinh doanh tại Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam có thu nhập phát sinh tại Việt Nam (sau đây gọi là nhà thầu nước ngoài) hoặc có phát sinh nghĩa vụ thuế tại Việt Nam.

g) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức có hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh với cá nhân nộp thay cho cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay).

h) Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng, hiệp định dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng, hiệp định dầu khí và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn.

i) Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả cá nhân của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu) (sau đây gọi là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh).

k) Cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh).

l) Tổ chức và cá nhân khác có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

m) Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập từ tiền lương, tiền công (sau đây gọi là cơ quan chi trả thu nhập).

2. Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế uỷ nhiệm thu.

3. Người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế cho người phụ thuộc theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

4. Cơ quan thuế gồm: Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế.

5. Cơ quan hải quan gồm: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan, Chi cục Hải quan.

6. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế là một cấu phần của Hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung do Tổng cục Thuế xây dựng, quản lý, sử dụng thống nhất trong toàn ngành thuế để thực hiện công tác quản lý thuế về đăng ký thuế.

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế được quy định tại Khoản 9 Điều 3 Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

3. Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế có địa chỉ http://www.gdt.gov.vn.

Điều 4. Mã số thuế

1. Mã số thuế là một dãy số, chữ cái hoặc ký tự do cơ quan quản lý thuế cấp cho người nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế. Mã số thuế để nhận biết, xác định từng người nộp thuế (bao gồm cả người nộp thuế có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu) và được quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

2. Mã số thuế được cấu trúc như sau:

N_1N_2 $N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9$ N_{10} - $N_{11}N_{12}N_{13}$

Trong đó:

- Hai chữ số đầu N_1N_2 là số phân khoảng tỉnh cấp mã số thuế được quy định theo danh mục mã phân khoảng tỉnh (đối với mã số thuế cấp cho người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, nhóm cá nhân và cá nhân kinh doanh) hoặc số không phân khoảng tỉnh cấp mã số thuế (đối với mã số thuế cấp cho các cá nhân khác).

- Bảy chữ số $N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9$ được quy định theo một cấu trúc xác định, tăng dần trong khoảng từ 0000001 đến 9999999. Chữ số N_{10} là chữ số kiểm tra.

- Ba chữ số $N_{11}N_{12}N_{13}$ là các số thứ tự từ 001 đến 999.

- Dấu gạch ngang là ký tự để phân tách nhóm 10 số đầu và nhóm 3 số cuối.

3. Mã số doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ là mã số thuế theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 5. Cấp và sử dụng mã số thuế

1. Cấp mã số thuế

Người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế để được cấp mã số thuế theo quy định tại Điều 21 của Luật quản lý thuế. Cụ thể:

a) Tổ chức kinh tế và tổ chức khác được cấp một mã số thuế duy nhất để sử dụng trong suốt quá trình hoạt động từ khi đăng ký thuế cho đến khi chấm dứt hoạt động, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

b) Cá nhân được cấp một mã số thuế duy nhất để sử dụng trong suốt cuộc đời của cá nhân đó. Người phụ thuộc của cá nhân được cấp mã số thuế để giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế thu nhập cá nhân. Mã số thuế cấp cho người phụ thuộc đồng thời cũng là mã số thuế của cá nhân khi cá nhân phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

c) Mã số thuế đã cấp không được sử dụng lại để cấp cho người nộp thuế khác.

d) Mã số thuế của tổ chức kinh tế, tổ chức khác sau khi chuyển đổi loại hình, bán, tặng cho, thừa kế được giữ nguyên.

đ) Mã số thuế cấp cho hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh là mã số thuế cấp cho cá nhân là đại diện hộ kinh doanh. Khi đại diện hộ kinh doanh chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh được cấp mã số thuế theo mã số thuế của đại diện hộ kinh doanh mới. Trường hợp hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, mã số thuế của đại diện hộ kinh doanh được sử dụng là mã số thuế của cá nhân đó.

e) Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh khi thay đổi đại diện hộ kinh doanh phải thông báo với cơ quan thuế để cấp lại mã số thuế. Trường

hợp đại diện hộ kinh doanh mới đã được cấp mã số thuế cá nhân thì sử dụng mã số thuế đó.

g) Mã số thuế 10 số được cấp cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác có đầy đủ tư cách pháp nhân và tự chịu trách nhiệm về toàn bộ nghĩa vụ của mình trước pháp luật (sau đây gọi là "Đơn vị độc lập"); đại diện hộ kinh doanh và cá nhân khác quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

h) Mã số thuế 13 số được cấp cho:

- Các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp được cấp mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; các đơn vị phụ thuộc của các tổ chức kinh tế, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật và có phát sinh nghĩa vụ thuế.

Sau đây gọi chung là "đơn vị trực thuộc". Đơn vị có "đơn vị trực thuộc" được gọi là "đơn vị chủ quản" trong Thông tư này.

- Nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng, hiệp định dầu khí, Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng, hiệp định dầu khí theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này.

- Các địa điểm kinh doanh của hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh trong trường hợp các địa điểm kinh doanh trên cùng địa bàn cấp huyện nhưng khác địa bàn cấp xã.

2. Sử dụng mã số thuế

Người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế được cấp theo quy định tại Điều 28 Luật quản lý thuế. Cụ thể:

a) Người nộp thuế sử dụng mã số thuế để thực hiện khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế và thực hiện các thủ tục về thuế khác đối với tất cả các nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước, kể cả trường hợp người nộp thuế hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhiều địa bàn khác nhau.

b) Doanh nghiệp, tổ chức đã được cấp mã số thuế nếu phát sinh các hoạt động sản xuất kinh doanh mới hoặc mở rộng kinh doanh sang địa bàn tỉnh, thành phố khác nhưng không thành lập chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc hoặc có cơ sở sản xuất trực thuộc (bao gồm cả cơ sở gia công, lắp ráp) trên địa bàn khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính, thuộc đối tượng được hạch toán khoản thu của ngân sách nhà nước theo quy định của Luật quản lý thuế, thì được sử dụng mã số thuế đã cấp để khai thuế, nộp thuế với cơ quan thuế tại địa bàn nơi phát sinh hoạt động kinh doanh mới hoặc mở rộng kinh doanh.

c) Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh có từ 2 (hai) địa điểm kinh doanh trở lên và mỗi địa điểm kinh doanh do một cơ quan thuế quản lý thì sử dụng mã số thuế đã cấp để kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế tại địa bàn nơi có địa điểm kinh doanh.

d) Cá nhân đã được cấp mã số thuế cá nhân, khi phát sinh hoạt động kinh doanh, nếu cá nhân là đại diện hộ kinh doanh thì sử dụng mã số thuế của mình để kê khai, nộp thuế cho hoạt động kinh doanh và ngược lại.

đ) Chủ doanh nghiệp tư nhân phải sử dụng mã số thuế cá nhân của mình để kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế thu nhập cá nhân của bản thân chủ doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp doanh nghiệp tư nhân phát sinh nghĩa vụ khấu trừ, nộp thay thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân làm việc tại doanh nghiệp tư nhân thì sử dụng mã số thuế của doanh nghiệp tư nhân để kê khai, khấu trừ, nộp thay.

e) Cá nhân là người phụ thuộc khi phát sinh nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước thì sử dụng mã số thuế đã được cấp cho người phụ thuộc để khai thuế, nộp thuế đối với các nghĩa vụ phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước. Cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ phát sinh nghĩa vụ thuế lần đầu, thực hiện chuyển mã số thuế của người phụ thuộc thành mã số thuế của người nộp thuế để hạch toán nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế.

3. Cấp mã số thuế trong một số trường hợp cụ thể

a) Cấp mã số thuế cho người nộp thuế tham gia hợp đồng, hiệp định dầu khí:

a1) Đối với hợp đồng, hiệp định tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí (sau đây gọi chung là "hợp đồng dầu khí"), mã số thuế 10 số được cấp cho: Người điều hành, Công ty điều hành chung theo từng hợp đồng dầu khí; Doanh nghiệp liên doanh đối với hợp đồng dầu khí được ký kết dưới hình thức hợp đồng liên doanh.

Trường hợp hợp đồng dầu khí quy định mỗi nhà thầu, nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế riêng (bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí) thì nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng được cấp mã số thuế 13 số (kể cả nhà thầu, nhà đầu tư là Người điều hành và nhà thầu nhận phần lãi được chia) theo mã số thuế 10 số của Người điều hành hoặc Công ty điều hành chung hoặc Doanh nghiệp liên doanh.

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí được cấp mã 13 số (theo mã số thuế 10 số của Người điều hành hoặc Công ty điều hành chung hoặc Doanh nghiệp liên doanh của từng hợp đồng dầu khí) để kê khai, nộp thuế đối với phần lãi được chia.

Trường hợp chuyển nhượng làm thay đổi chủ sở hữu của nhà thầu đang nắm giữ quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí tại Việt Nam, nhà thầu đứng tên trong hợp đồng dầu khí tại Việt Nam có trách nhiệm sử dụng mã số thuế 13 số được cấp để kê khai, nộp thuế thay cho bên chuyển nhượng đối với phần thu nhập phát sinh có liên quan đến hợp đồng dầu khí ở Việt Nam và đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế theo mã số thuế 10 số của Người điều hành hoặc Công ty điều hành chung hoặc Doanh nghiệp liên doanh.

a2) Đối với tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi dầu, khí được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, được cấp một mã số thuế 10 số theo từng hợp đồng hoặc văn bản thoả thuận hoặc giấy tờ tương đương khác để kê khai, nộp thuế cho từng hợp đồng.

b) Cấp mã số thuế cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì được cấp mã số thuế 10 số theo từng hợp đồng thầu đã ký.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài liên danh với các tổ chức kinh tế Việt Nam để tiến hành kinh doanh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng thầu và các bên tham gia liên danh thành lập ra Ban điều hành liên danh, Ban điều hành thực hiện hạch toán kế toán, có tài khoản tại ngân hàng và chịu trách nhiệm phát hành hóa đơn; hoặc tổ chức kinh tế Việt Nam tham gia liên danh chịu trách nhiệm hạch toán chung và chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh thì Ban điều hành liên danh, hoặc tổ chức kinh tế Việt Nam được cấp mã số thuế 10 số để kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế cho hợp đồng nhà thầu theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

c) Cấp mã số thuế cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu; tổ chức nộp thay cho cá nhân hợp đồng, hợp tác kinh doanh (sau đây gọi tắt là mã số thuế nộp thay) như sau:

c1) Doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân là Bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu hoặc thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài không đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì Bên Việt Nam có trách nhiệm đăng ký thuế và được cấp thêm một mã số thuế 10 số để sử dụng cho việc kê khai, nộp thuế thay cho các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài.

c2) Tổ chức, cá nhân có hợp đồng ủy nhiệm thu với cơ quan thuế được cấp một mã số thuế nộp thay để sử dụng cho việc nộp các khoản thuế đã thu của người nộp thuế vào ngân sách nhà nước.

c3) Tổ chức có hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh với cá nhân nộp thay cho cá nhân được cấp một mã số thuế nộp thay để sử dụng cho việc nộp các khoản thuế đã thu của người nộp thuế vào ngân sách nhà nước.

c4) Mã số thuế nộp thay được sử dụng để nộp thay các khoản thuế theo qui định của pháp luật về thuế trong quá trình hoạt động của người nộp thuế. Khi người nộp thuế thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định thì thông tin tương ứng của mã số thuế nộp thay sẽ được cơ quan thuế cập nhật. Khi người nộp thuế chấm dứt hiệu lực của mã số thuế thì đồng thời mã số thuế nộp thay cũng bị chấm dứt hiệu lực.

4. Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập

Cá nhân có phát sinh thu nhập từ tiền lương, tiền công tại cơ quan chi trả thu nhập được ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập thực hiện thủ tục đăng ký thuế, đăng ký người phụ thuộc với cơ quan thuế thay cho cá nhân.

Cá nhân có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ của cá nhân, người phụ thuộc theo quy định tại Khoản 9, Khoản 10 Điều 7 Thông tư này cho cơ quan chi trả thu nhập nhận ủy quyền; cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thuế, đăng ký người phụ thuộc theo ủy quyền của cá nhân.

Cá nhân cùng lúc nộp thuế thu nhập cá nhân qua nhiều cơ quan chi trả thu nhập chỉ uỷ quyền đăng ký thuế tại một cơ quan chi trả thu nhập để được cấp mã số thuế. Cá nhân thông báo mã số thuế của mình với các cơ quan chi trả thu nhập khác để các cơ quan chi trả thu nhập sử dụng vào việc kê khai, nộp thuế.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

ĐĂNG KÝ THUẾ

Điều 6. Thời hạn thực hiện đăng ký thuế của người nộp thuế

Người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện đăng ký thuế theo đúng thời hạn quy định tại Điều 22 Luật quản lý thuế, cụ thể như sau:

1. Các tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh phải thực hiện đăng ký thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ:

- Ngày ghi trên Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Ngày ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Ngày ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam cấp cho tổ chức, hộ kinh doanh thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam.

- Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với tổ chức không thuộc diện đăng ký kinh doanh.

- Ngày phát sinh trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức nộp thay cho cá nhân theo hợp đồng, văn bản hợp tác kinh doanh.

- Ngày ký hợp đồng nhận thầu đối với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài kê khai nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

- Ngày ký hợp đồng, hiệp định dầu khí.

2. Tổ chức, cá nhân không hoạt động sản xuất kinh doanh có phát sinh nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước hoặc được hoàn thuế thực hiện đăng ký thuế cùng với thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc thời hạn nộp hồ sơ hoàn thuế lần đầu theo quy định của Luật quản lý thuế.

3. Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế cùng với thời hạn nộp hồ sơ khai thuế lần đầu. Trường hợp được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh phải thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân đăng ký thuế cho người phụ thuộc cùng với thời hạn thực hiện thủ tục Đăng ký giảm trừ gia cảnh theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân.

5. Cơ quan chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thuế cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và đăng ký thuế cho người phụ thuộc của cá nhân một lần trong năm chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc trước thời điểm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân hàng năm.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký thuế

Hồ sơ đăng ký thuế thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật quản lý thuế, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 2 Thông tư này

a) Đối với đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT và các bảng kê (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

b) Đối với đơn vị trực thuộc, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT và các bảng kê (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Hồ sơ đăng ký thuế đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 2 Thông tư này

a) Đối với Người điều hành, công ty điều hành chung và doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn (sau đây gọi chung là Người điều hành), hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT và bảng kê nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số 01-ĐK-TCT-BK05, bảng kê tài khoản ngân hàng mẫu số 01-ĐK-TCT-BK06 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư, hoặc Giấy phép đầu tư.

b) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia), hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí, hồ sơ đăng ký thuế gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 2 Thông tư này, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04-ĐK-TCT và các bảng kê (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép thầu; hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy xác nhận đăng ký văn phòng điều hành; hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

4. Đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 2 Thông tư này, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK (đối với trường hợp Bên Việt Nam nộp thay thuế nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài).

- Bản sao hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với trường hợp tổ chức nộp thay cho cá nhân hợp đồng, hợp tác kinh doanh).

5. Đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 2 Thông tư này, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê viên chức ngoại giao thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT mẫu số 06-ĐK-TCT-BK01 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế nhưng được hoàn thuế (trừ cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam) quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 2 và các tổ chức không hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 2 Thông tư này, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 2, 3, 4, 9, 10, 12, 14, 15.

7. Hồ sơ đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 2 Thông tư này

a) Đối với người nộp thuế là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

a1) Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh, trừ trường hợp nêu tại điểm a2 khoản này, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT và các bảng kê (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam); bản sao không yêu cầu chứng thực Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài).

a2) Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT và các bảng kê (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực một trong các giấy tờ còn hiệu lực như sau: Giấy chứng minh thư biên giới, Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới, Hộ chiếu hoặc Giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh khác được cấp theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với cá nhân kinh doanh);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (đối với cá nhân kinh doanh);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với hộ kinh doanh).

a3) Trường hợp đại diện hộ kinh doanh đã được cấp mã số thuế cá nhân, khi phát sinh hoạt động kinh doanh, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT và các bảng kê (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này. Trên tờ khai ghi mã số thuế của đại diện hộ kinh doanh đã được cấp;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có);

b) Đối với người nộp thuế là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế, chưa có mã số thuế phải gửi kèm theo hồ sơ khai thuế lần đầu một trong các hồ sơ, tài liệu sau:

b1) Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh, trừ trường hợp nêu tại điểm b2 khoản này:

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam); bản sao không yêu cầu chứng thực Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài).

b2) Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu:

- Bản sao không yêu cầu chứng thực một trong các giấy tờ còn hiệu lực như sau: Giấy chứng minh thư biên giới, Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới, Hộ chiếu hoặc Giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh khác được cấp theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với cá nhân kinh doanh);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (đối với cá nhân kinh doanh);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với hộ kinh doanh).

8. Hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế là cá nhân thông qua hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 7 Điều này:

a) Đối với cá nhân có nghĩa vụ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp chưa có mã số thuế, cơ quan thuế cấp mã số thuế khi nhận hồ sơ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp lần đầu của cá nhân.

b) Đối với cá nhân có hoạt động chuyển nhượng bất động sản chưa có mã số thuế, cơ quan thuế cấp mã số thuế cho cá nhân căn cứ trên thông tin cá nhân tại hồ sơ chuyển nhượng bất động sản.

c) Đối với cá nhân nộp hồ sơ cấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chưa có mã số thuế, cơ quan thuế cấp mã số thuế cho cá nhân căn cứ trên thông tin cá nhân tại hồ sơ cấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

d) Đối với các khoản thu phát sinh không thường xuyên của cá nhân như lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy, tàu, thuyền, hoặc các khoản thu phát sinh không thường xuyên khác chưa có mã số thuế, cơ quan thuế cấp mã số thuế cho cá nhân căn cứ trên thông tin cá nhân tại hồ sơ khai thuế để quản lý thuế.

9. Hồ sơ đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác, trừ các cá nhân quy định tại Khoản 7, Khoản 8, Khoản 10 Điều này

a) Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp tại cơ quan thuế, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam); bản sao không yêu cầu chứng thực Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài).

b) Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế với cơ quan chi trả thu nhập:

Cá nhân gửi văn bản ủy quyền và giấy tờ của cá nhân (bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam); bản sao không yêu cầu chứng thực Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài)) cho cơ quan chi trả thu nhập.

Cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp thông tin đăng ký thuế của cá nhân vào tờ khai đăng ký thuế tổng hợp cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thông qua cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (trên tờ khai đánh dấu vào ô "Đăng ký thuế" và ghi đầy đủ các thông tin) và gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

10. Hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư này

a) Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc trực tiếp tại cơ quan thuế, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (trên tờ khai đánh dấu vào ô "Đăng ký thuế" và ghi đầy đủ các thông tin).

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt

Nam từ đủ 14 tuổi trở lên) hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực (đối với cá nhân là người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi); bản sao không yêu cầu chứng thực Hộ chiếu hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực (đối với cá nhân là người phụ thuộc có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài).

b) Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân đăng ký thuế cho người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập:

Cá nhân gửi văn bản ủy quyền và giấy tờ của người phụ thuộc (bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên) hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực (đối với cá nhân là người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi); bản sao không yêu cầu chứng thực Hộ chiếu hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực (đối với cá nhân là người phụ thuộc có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài) cho cơ quan chi trả thu nhập.

Cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp hồ sơ đăng ký thuế của người phụ thuộc và gửi Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thông qua cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 20-ĐKT-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (trên tờ khai đánh dấu vào ô "Đăng ký thuế" và ghi đầy đủ các thông tin) qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc bằng giấy.

Điều 8. Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế

Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật quản lý thuế, cụ thể:

1. Tổ chức kinh tế và các đơn vị trực thuộc (trừ hợp tác xã, tổ hợp tác); nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí; nhà thầu nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

2. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thay thuế cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức nộp thay cho cá nhân hợp đồng, hợp tác kinh doanh và tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

3. Tổ chức khác nộp hồ sơ đăng ký thuế tại:

a) Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập.

b) Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập.

4. Cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân thông qua cơ quan chi trả thu nhập nếu có uỷ quyền cho cơ quan chi trả đăng ký thuế cho bản thân và cho người phụ thuộc thì nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan chi trả thu nhập; cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp tờ khai đăng ký thuế của từng cá nhân để nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

5. Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân, cá nhân đăng ký thuế cho người phụ thuộc nộp trực tiếp không qua cơ quan chi trả thu nhập, nộp hồ sơ đăng ký thuế tại các địa điểm tương ứng với từng trường hợp sau:

a) Tại Cục Thuế nơi cá nhân có địa chỉ thường trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.

b) Tại Cục Thuế trực tiếp quản lý nơi cá nhân làm việc đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế.

c) Tại Cục Thuế nơi phát sinh công việc tại Việt Nam đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài (trường hợp cá nhân không làm việc tại Việt Nam).

d) Tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

6. Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế tại Chi cục Thuế nơi đặt trụ sở chính.

7. Các cá nhân khác có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước thực hiện đăng ký thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (chuyển nhượng bất động sản, cấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu, thuyền...).

Điều 9. Tiếp nhận và thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký thuế

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế

Việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật quản lý thuế, cụ thể:

a) Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ thời điểm nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đăng ký thuế đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả đăng ký thuế, thời hạn trả kết quả không được quá số ngày quy định của Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi sổ văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế, trường hợp cần bổ sung hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc (đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ quan thuế); trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ (đối với hồ sơ gửi qua đường bưu chính).

b) Đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ

Chậm nhất không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định của người nộp thuế.

Điều 10. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế

Việc cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật quản lý thuế, cụ thể:

1. Giấy chứng nhận đăng ký thuế

Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh quy định tại điểm b, điểm c và điểm i Khoản 1 Điều 2 Thông tư này có hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định được cơ quan thuế cấp "Giấy chứng nhận đăng ký thuế" mẫu số 10-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận mã số thuế cá nhân

Cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh), các cá nhân khác có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước quy định tại điểm k, điểm l Khoản 1 Điều 2 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp tại cơ quan thuế đầy đủ theo quy định được cơ quan thuế cấp "Giấy chứng nhận mã số thuế cá nhân" mẫu số 12-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp cá nhân ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thuế: Cơ quan thuế trả Thông báo danh sách mã số thuế của cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 14-MST ban hành kèm theo Thông tư này bằng giấy hoặc qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo mã số thuế cho từng cá nhân hoặc lý do chưa được cấp mã số thuế để cá nhân điều chỉnh, bổ sung thông tin để được cấp mã số thuế theo quy định.

Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập và cá nhân đăng ký thuế qua hồ sơ khai thuế có văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận mã số thuế cá nhân gửi đến cơ quan thuế thì cơ quan thuế thực hiện cấp "Giấy chứng nhận mã số thuế cá nhân" cho cá nhân.

3. Thông báo mã số thuế

Tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm l Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Thông tư này có hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định và hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh thiếu bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài được cơ quan thuế cấp "Thông báo mã số thuế" mẫu số 11-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thông báo mã số thuế người phụ thuộc

Cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công đăng ký thuế cho người phụ thuộc theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp tại cơ quan thuế đầy đủ theo quy

định được cơ quan thuế cấp "Thông báo mã số thuế người phụ thuộc" mẫu số 21-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp cá nhân ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thuế cho người phụ thuộc: Cơ quan thuế trả Thông báo danh sách mã số thuế của người phụ thuộc đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 22-MST ban hành kèm theo Thông tư này bằng giấy hoặc qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo mã số thuế cho từng cá nhân hoặc lý do chưa được cấp mã số thuế để cá nhân điều chỉnh, bổ sung thông tin để được cấp mã số thuế theo quy định.

Điều 11. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế

1. Người nộp thuế khi bị mất, rách, nát, cháy Giấy chứng nhận đăng ký thuế (bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Giấy chứng nhận mã số thuế cá nhân), Thông báo mã số thuế (bao gồm: Thông báo mã số thuế, Thông báo mã số thuế người phụ thuộc) thì gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế mẫu số 13-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ quan thuế thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của người nộp thuế đầy đủ theo quy định.

Mục 2
THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Điều 12. Trách nhiệm, thời hạn và địa điểm nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế

Việc thay đổi thông tin đăng ký thuế thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật quản lý thuế, cụ thể:

1. Doanh nghiệp đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo hướng dẫn tại Nghị định của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và các văn bản hiện hành. Trường hợp các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, trước khi đăng ký thay đổi thông tin với cơ quan đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải thông báo thay đổi thông tin và thực hiện các thủ tục liên quan về thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

2. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh và cá nhân khác đã đăng ký thuế với cơ quan thuế, khi có thay đổi một trong các thông tin trên tờ khai đăng ký thuế, bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế

quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

a) Trường hợp người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm (mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này) của cơ quan thuế nơi chuyển đi, người nộp thuế phải thực hiện đăng ký với cơ quan thuế nơi chuyển đến.

b) Đối với người nộp thuế là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh và cá nhân khác có thay đổi thông tin đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế thì khai báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ khai thuế của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện cập nhật các thông tin thay đổi cho người nộp thuế.

c) Đối với người nộp thuế là cá nhân có ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thuế, khi thay đổi thông tin đăng ký thuế của cá nhân và người phụ thuộc, cá nhân phải khai báo với cơ quan chi trả thu nhập. Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp và gửi hồ sơ thông tin thay đổi của các cá nhân ủy quyền đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần trong năm, chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc trước thời điểm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân hàng năm.

d) Đối với cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) khi thay đổi địa chỉ dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý không phải thực hiện thủ tục chuyển địa điểm, chỉ đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế.

3. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác và cá nhân có mã số thuế nộp thay, khi thay đổi thông tin đăng ký thuế thì các thông tin tương ứng của mã số thuế nộp thay được Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế tự động cập nhật theo mã số thuế của người nộp thuế. Các thủ tục chuyển nghĩa vụ thuế đối với mã số thuế nộp thay được thực hiện tương tự và cùng thời điểm với thủ tục chuyển nghĩa vụ của người nộp thuế.

Điều 13. Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh và cá nhân khác thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý

a) Các trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý:

a1) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh và cá nhân khác thay đổi thông tin đăng ký thuế, trừ thông tin địa chỉ trụ sở.

a2) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác do Cục Thuế quản lý thay đổi địa chỉ trụ sở trong phạm vi cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

a3) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý thay đổi địa chỉ trụ sở trong phạm vi cùng quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh.

b) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế:

b1) Đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị trực thuộc), hồ sơ gồm:

- Tờ khai điều chỉnh thông tin đăng ký thuế mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp nếu thông tin đăng ký thuế trên các Giấy tờ này có thay đổi.

b2) Đối với người nộp thuế là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh (thay đổi thông tin đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế), hồ sơ gồm:

- Tờ khai điều chỉnh thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nếu thông tin đăng ký thuế trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có thay đổi;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam); bản sao không yêu cầu chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài) nếu thông tin đăng ký thuế trên các Giấy tờ này có thay đổi.

c) Đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân, trừ cá nhân kinh doanh:

c1) Người nộp thuế thay đổi thông tin trực tiếp với cơ quan thuế, hồ sơ gồm:

- Tờ khai điều chỉnh thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này để thay đổi thông tin cho cá nhân người nộp thuế và người phụ thuộc;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam); hộ chiếu còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài) nếu thông tin đăng ký thuế của cá nhân trên các Giấy tờ này có thay đổi.

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên) hoặc Giấy khai sinh (đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi); bản sao không yêu cầu chứng thực hộ chiếu hoặc

Giấy khai sinh còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài) nếu thông tin đăng ký thuế của người phụ thuộc trên các Giấy tờ này có thay đổi.

c2) Người nộp thuế thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập

- Trường hợp thay đổi thông tin cho cá nhân người nộp thuế:

Cá nhân gửi Bản sao không yêu cầu chứng thực các giấy tờ có thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập. Cơ quan chi trả thu nhập lập Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thông qua cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này. Trên tờ khai đánh dấu vào ô "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" và ghi các thông tin đăng ký thuế có thay đổi.

- Trường hợp thay đổi thông tin cho người phụ thuộc:

Cá nhân gửi Bản sao không yêu cầu chứng thực các giấy tờ có thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký thuế của người phụ thuộc cho cơ quan chi trả thu nhập. Cơ quan chi trả thu nhập lập Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thông qua cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này. Trên tờ khai đánh dấu vào ô "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" và ghi các thông tin đăng ký thuế có thay đổi.

2. Trường hợp người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức (bao gồm cả đơn vị trực thuộc), hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh có thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý.

a) Các trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, gồm:

a1) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác;

a2) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý thay đổi địa chỉ trụ sở trong cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhưng khác quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh;

a3) Cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) thay đổi địa chỉ trong cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhưng khác quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh hoặc thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

b) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế:

b1) Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh

- Tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi:

+ Đối với doanh nghiệp, hồ sơ gồm: Tờ khai điều chỉnh thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hồ sơ gồm:

(i) Tờ khai điều chỉnh thông tin đăng ký thuế theo mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp theo địa chỉ mới.

+ Đối với hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh, hồ sơ gồm:

(i) Tờ khai điều chỉnh thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có thay đổi thông tin đăng ký thuế trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế (nếu có);

(iii) Bản sao không yêu cầu chứng thực Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam); bản sao không yêu cầu chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực (đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài) nếu thông tin đăng ký thuế trên các Giấy tờ này có thay đổi.

- Tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến:

+ Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh, hồ sơ gồm:

(i) Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm theo mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này do cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi cấp;

(ii) Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh phải thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định) hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp theo địa chỉ mới.

b2) Cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh): Hồ sơ thay đổi thông tin địa chỉ tương tự như hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của cá nhân theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này.

3. Thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với nhà đầu tư khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế, chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp

đồng dầu khí, hồ sơ gồm: Tờ khai điều chỉnh thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Tiếp nhận hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy

Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ thời điểm nhận hồ sơ, tên tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đăng ký thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả đăng ký thuế, thời hạn trả kết quả không được quá số ngày quy định của Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi sổ văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế, trường hợp cần bổ sung hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc (đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ quan thuế); trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ (đối với hồ sơ gửi qua đường bưu chính).

2. Đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử

Việc tiếp nhận hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Điều 15. Xử lý hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế và trả kết quả

1. Trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin đăng ký thuế không có trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế (trừ trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều này)

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

2. Trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế. Đồng thời, cơ quan thuế cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế cho người nộp thuế. Các giấy tờ đã được cấp trước đó không còn hiệu lực.

3. Trường hợp người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý

a) Người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác:

a1) Tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi:

Người nộp thuế có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

Cơ quan thuế chuyển đi thực hiện đối chiếu nghĩa vụ đến thời điểm thay đổi địa chỉ trụ sở với người nộp thuế, lập Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này, gửi 01 (một) bản cho người nộp thuế, 01 (một) bản cho cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến để thông báo về tình hình thực hiện nghĩa vụ của người nộp thuế theo quy định Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

Thời gian giải quyết hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của cơ quan thuế: Chậm nhất không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định của người nộp thuế.

a2) Tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến:

Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến, căn cứ hồ sơ chuyển địa điểm của người nộp thuế, thông tin thay đổi địa chỉ trụ sở của cơ quan đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp), cập nhật thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để tiếp tục quản lý người nộp thuế.

b) Người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý thay đổi địa chỉ trụ sở trong cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhưng khác quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh:

b1) Tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi:

Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi thực hiện đối chiếu nghĩa vụ đến thời điểm thay đổi địa chỉ trụ sở với người nộp thuế, lập Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này gửi 01 (một) bản cho người nộp thuế, 01 (một) bản cho cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến để thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ của người nộp thuế.

Thời gian giải quyết hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của cơ quan thuế: Chậm nhất không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định của người nộp thuế.

b2) Tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến:

Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến căn cứ hồ sơ chuyển địa điểm của người nộp thuế, thông tin thay đổi địa chỉ trụ sở của cơ quan đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp), cập nhật thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để tiếp tục quản lý người nộp thuế.

c) Xử lý đối với người nộp thuế đã hoàn thành chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi đi nhưng không đến làm thủ tục tại cơ quan thuế nơi chuyển đến:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này, nếu người nộp thuế không thực hiện chuyển địa điểm thì phải có văn bản gửi cơ quan thuế nơi chuyển đi và nơi chuyển đến, nêu rõ lý do và đề nghị tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn cũ.

Quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm của cơ quan thuế nơi chuyển đi được ban hành, nếu người nộp thuế không đến làm thủ tục tại cơ quan thuế nơi chuyển đến hoặc không có văn bản gửi cơ quan thuế nơi chuyển đi và cơ quan thuế nơi chuyển đến đề nghị không thực hiện chuyển địa chỉ trụ sở thì cơ quan thuế nơi chuyển đến gửi văn bản yêu cầu người nộp thuế giải trình. Sau 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo yêu cầu giải trình mà người nộp thuế không giải trình bằng văn bản, cơ quan thuế nơi chuyển đến sẽ ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 16/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này, chuyển trạng thái "Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" và gửi cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Mục 3

CHẤM DỨT HIỆU LỰC MÃ SỐ THUẾ, KHÔI PHỤC MÃ SỐ THUẾ, TẠM NGỪNG KINH DOANH

Điều 16. Các trường hợp, thời hạn và địa điểm nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 29 Luật quản lý thuế, cụ thể:

1. Các trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế

a) Đối với doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động hoặc giải thể, phá sản;

- Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất);

b) Đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh:

- Tổ chức kinh tế, tổ chức khác chấm dứt hoạt động; hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động kinh doanh.

- Tổ chức kinh tế, tổ chức khác bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy phép tương đương; hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do vi phạm pháp luật.

- Tổ chức lại đối với tổ chức kinh tế (chia, sáp nhập, hợp nhất), chuyển đổi tổ chức từ đơn vị trực thuộc thành đơn vị độc lập hoặc đơn vị độc lập thành

đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị trực thuộc của đơn vị chủ quản này thành đơn vị trực thuộc của đơn vị chủ quản khác.

- Tổ chức kinh tế, tổ chức khác bị cơ quan thuế ra Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên một năm và không đăng ký hoạt động trở lại.

- Nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí khi kết thúc hợp đồng hoặc chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí.

- Nhà thầu nước ngoài khi kết thúc hợp đồng.

c) Đối với đơn vị trực thuộc:

- Đơn vị trực thuộc có Quyết định chấm dứt hoạt động của đơn vị chủ quản.

- Đơn vị trực thuộc bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi đơn vị chủ quản chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

- Đơn vị trực thuộc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy phép tương đương theo quy định của pháp luật.

d) Đối với cá nhân không kinh doanh:

Cá nhân bị chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc chấm dứt hiệu lực mã số thuế

a) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế là thủ tục cơ quan thuế xác định mã số thuế không còn giá trị sử dụng trong Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế. Cơ quan thuế thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế và thông báo công khai việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

b) Mã số thuế không được sử dụng trong các giao dịch kinh tế, kể từ ngày cơ quan thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 29 Luật quản lý thuế.

c) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác sau khi đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế, nếu hoạt động trở lại phải thực hiện đăng ký thuế để được cấp mã số thuế mới, mã số thuế đã chấm dứt hiệu lực không được sử dụng lại.

d) Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế chỉ chấm dứt đối với hoạt động kinh doanh của hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh. Mã số thuế của đại diện hộ kinh doanh không bị chấm dứt hiệu lực và được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế của cá nhân đó.

đ) Doanh nghiệp trước khi nộp hồ sơ giải thể tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo hướng dẫn tại Luật doanh nghiệp, Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì phải gửi hồ sơ cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Khoản 3 Điều 202 Luật doanh nghiệp (đối với trường hợp tự

giải thể) hoặc Khoản 2 Điều 203 Luật doanh nghiệp (đối với trường hợp giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của toà án) để làm thủ tục hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế.

e) Khi doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác và cá nhân chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì đồng thời phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực đối với mã số thuế nộp thay.

g) Người nộp thuế là đơn vị chủ quản chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì các đơn vị trực thuộc cũng bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

3. Các nghĩa vụ người nộp thuế phải hoàn thành trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế

a) Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài:

- Người nộp thuế nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật về hoá đơn;

- Người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính;

- Trường hợp đơn vị chủ quản có các đơn vị trực thuộc thì toàn bộ các đơn vị trực thuộc phải hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản.

b) Đối với hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh:

- Người nộp thuế nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật về hoá đơn nếu hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh có sử dụng hoá đơn;

- Người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 43 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính.

4. Thời hạn và địa điểm nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế

a) Đối với doanh nghiệp: Việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp được cơ quan thuế thực hiện cùng với thời hạn cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp (giải thể) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

b) Đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh:

Người nộp thuế có trách nhiệm gửi hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấm dứt hoạt động (đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh, trừ hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh) hoặc ngày kết thúc hợp đồng hoặc

ngày chấm dứt hoạt động đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Điều 17. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác

a) Đối với đơn vị chủ quản, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế (bản gốc); hoặc công văn giải trình mất Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định giải thể, hoặc Quyết định mở thủ tục phá sản, hoặc Quyết định chia, hoặc Hợp đồng hợp nhất, hoặc Hợp đồng sáp nhập, hoặc Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động;

- Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan nếu tổ chức có hoạt động xuất nhập khẩu.

Trường hợp đơn vị chủ quản có các đơn vị trực thuộc đã được cấp mã số thuế 13 số thì đơn vị chủ quản phải có văn bản thông báo chấm dứt hoạt động của đơn vị chủ quản cho các đơn vị trực thuộc để yêu cầu đơn vị trực thuộc thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị trực thuộc với cơ quan thuế quản lý đơn vị trực thuộc trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản.

b) Đối với đơn vị trực thuộc, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế (bản gốc); hoặc công văn giải trình mất Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị trực thuộc, hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động của đơn vị chủ quản, hoặc Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với đơn vị trực thuộc của cơ quan có thẩm quyền;

- Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan nếu tổ chức có hoạt động xuất nhập khẩu.

2. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài

- Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản thanh lý hợp đồng (nếu có) hoặc văn bản về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tham gia hợp đồng dầu khí đối với nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí;

- Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan nếu tổ chức có hoạt động xuất nhập khẩu.

3. Đối với hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế (bản gốc); hoặc công văn giải trình mất Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh (nếu có).

4. Đối với Doanh nghiệp

Hồ sơ của doanh nghiệp để làm thủ tục hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế trước khi doanh nghiệp làm thủ tục giải thể tại cơ quan đăng ký kinh doanh như sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp tự giải thể, hồ sơ gồm:

- Quyết định giải thể;

- Biên bản họp;

- Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan nếu doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu.

b) Trường hợp giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của toà án, hồ sơ gồm:

- Quyết định giải thể;

- Bản sao Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Toà án có hiệu lực;

- Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan nếu doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu.

Điều 18. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế và trả kết quả

1. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động

a) Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và tổ chức khác:

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị trực thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ thuế của đơn vị trực thuộc sang đơn vị chủ quản theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế (trừ người nộp thuế là doanh nghiệp).

- Đơn vị chủ quản có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế của đơn vị trực thuộc với cơ quan thuế quản lý đơn vị trực thuộc sau khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị trực thuộc.

- Trường hợp đơn vị chủ quản gửi hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng các đơn vị trực thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản có trách nhiệm thông báo cho đơn vị chủ quản, đơn vị trực thuộc, cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị trực thuộc. Các đơn vị trực thuộc phải thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước khi đơn vị chủ quản chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

- Sau khi đơn vị chủ quản chấm dứt hoạt động, nếu đơn vị trực thuộc vẫn tiếp tục hoạt động thì đơn vị trực thuộc phải thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được cấp mã số thuế mới hoặc chuyển đổi theo quy định tại Điều 23 Thông tư này. Trường hợp đơn vị chủ quản đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế mà đơn vị trực thuộc vẫn sử dụng mã số thuế 13 số theo mã số thuế của đơn vị chủ quản đều bị coi là sử dụng mã số thuế không hợp pháp.

b) Đối với hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh:

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế đối với hoạt động kinh doanh.

- Cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh hoàn thành nghĩa vụ về thuế.

Sau khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của hoạt động kinh doanh, mã số thuế của cá nhân đại diện hộ kinh doanh vẫn được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế cho cá nhân.

Trường hợp hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh ngành nghề không phải có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì khi mã số thuế của đại diện hộ kinh doanh chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì mã số thuế của các địa điểm kinh doanh không bị chấm dứt hiệu lực.

2. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác (chia, sáp nhập, hợp nhất)

a) Đối với doanh nghiệp:

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất khi nhận được thông báo chấm dứt tồn tại doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh nếu doanh nghiệp chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế thì thực hiện chuyển toàn bộ nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất cho doanh nghiệp mới được chia, nhận sáp nhập, nhận hợp nhất. Doanh nghiệp mới có trách nhiệm thực hiện quyết toán thuế và hoàn thành nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất theo quy định của Luật quản lý thuế.

b) Đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác:

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức kinh tế, tổ chức khác bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất khi nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức kinh tế và tổ chức khác thì yêu cầu tổ chức phải hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định tại Điều 42 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính trước khi cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với cá nhân chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự

Trường hợp người nộp thuế là cá nhân đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, cơ quan thuế căn cứ giấy tờ liên quan của cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự của cá nhân để thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế theo quy định. Hàng năm, cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn để xác định cá nhân đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật để thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế.

4. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong trường hợp người nộp thuế bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do vi phạm pháp luật

Khi cơ quan thuế nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương đối với người nộp thuế của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan thuế phải yêu cầu người nộp thuế thực hiện các thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế theo quy định. Cơ quan thuế cập nhật thông tin người nộp thuế về trạng thái người nộp thuế ngừng hoạt động đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và thông báo cho người nộp thuế biết theo mẫu số 17/TB-ĐKT để yêu cầu người nộp thuế làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Thông tư này.

Điều 19. Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

1. Cơ quan thuế thực hiện xác minh thực tế để xác định người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo một trong các trường hợp sau:

a) Quá thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế, cơ quan thuế đã áp dụng các biện pháp về quản lý thuế nhưng người nộp thuế vẫn không nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế. Cụ thể:

- Hết hạn nộp theo qui định, người nộp thuế chưa nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế, cơ quan thuế lập và gửi Thông báo yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế. Trường hợp người nộp thuế thực hiện khai thuế điện tử, thông báo được gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan thuế gửi thông báo, người nộp thuế vẫn chưa nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế, cơ quan thuế tiếp tục gửi thông báo lần 2. Trường hợp người nộp thuế thực hiện khai thuế điện tử, thông báo được gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, đồng thời, gửi cho người nộp thuế qua đường bưu chính theo địa chỉ đã đăng ký hoạt động.

- Sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm gửi thông báo lần 2, người nộp thuế vẫn chưa nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế, cơ quan thuế thực hiện xác minh thực tế hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.

b) Các văn bản của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua đường bưu chính nhưng bưu điện trả lại do không có người nhận hoặc do địa chỉ không tồn tại (Quyết định, Văn bản, Thông báo...), cơ quan thuế thực hiện xác minh thực tế hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.

c) Cơ quan thuế nhận được thông tin bằng văn bản do các tổ chức, cá nhân cung cấp về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế thực hiện xác minh thực tế hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.

d) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có văn bản gửi cơ quan thuế thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế thực hiện xác minh thực tế hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.

2. Cơ quan thuế hoàn thành xác minh thực tế hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các trường hợp phải thực hiện xác minh nêu tại Khoản 1 Điều này.

a) Trường hợp kết quả xác minh là người nộp thuế còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì người nộp thuế phải ký xác nhận vào Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 15/BB-BKD ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời người nộp thuế phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp kết quả xác minh là người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì cơ quan thuế phối hợp với chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an trên địa bàn) lập Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 15/BB-BKD ban hành kèm theo Thông tư này. Cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 16/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên biên

bản, đồng thời cập nhật trạng thái "NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Thông báo được gửi cho người nộp thuế (theo địa chỉ nhận thông báo thuế đã đăng ký; địa chỉ của: người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ tịch hội đồng thành viên của công ty hợp danh; địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế để nộp hồ sơ khai thuế qua mạng - nếu có) và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (cơ quan Hải quan; cơ quan đăng ký kinh doanh; Viện Kiểm sát; cơ quan công an; cơ quan quản lý thị trường trên địa bàn; cơ quan cấp giấy phép thành lập và hoạt động) ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ký thông báo. Trường hợp cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đã có quy chế trao đổi thông tin bằng phương thức điện tử, Thông báo được gửi theo quy định tại Quy chế. Trường hợp người nộp thuế là đơn vị trực thuộc thì thông báo đồng thời gửi cho đơn vị chủ quản.

Cơ quan thuế phối hợp cùng cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý đối với người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan nhà nước theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Trường hợp người nộp thuế là đơn vị chủ quản thuộc một trong các trường hợp được nhận diện là không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định tại Khoản 1 Điều này có đơn vị trực thuộc thì:

a) Cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản phải thông báo cho đơn vị trực thuộc về việc đơn vị chủ quản được nhận diện không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 26/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này chậm nhất trong 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các trường hợp phải thực hiện xác minh thực tế hoạt động của người nộp thuế là đơn vị chủ quản tại địa chỉ đã đăng ký nêu tại Khoản 1 Điều này để cảnh báo cho đơn vị trực thuộc được biết. Trường hợp đơn vị chủ quản và đơn vị trực thuộc khác cơ quan thuế quản lý trực tiếp, thì thông báo đồng thời phải gửi cho cơ quan thuế quản lý đơn vị trực thuộc.

b) Cơ quan thuế khi ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nêu tại Khoản 2 Điều này đồng thời gửi cho đơn vị chủ quản và đơn vị trực thuộc. Đơn vị trực thuộc sẽ bị cơ quan thuế cập nhật tình trạng không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế kể từ ngày cơ quan thuế ban hành thông báo.

4. Người nộp thuế bị xử lý vi phạm về sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật có liên quan. Sau thời hạn một năm kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này hoặc phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo qui định tại Điểm 1c Điều 211 Luật doanh nghiệp.

Điều 20. Khôi phục mã số thuế

1. Các trường hợp khôi phục mã số thuế

a) Người nộp thuế là tổ chức kinh tế hoặc tổ chức khác bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương, cơ quan thuế đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định, nhưng sau đó cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương.

b) Người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh ở tình trạng cơ quan thuế đã ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng cơ quan đăng ký kinh doanh chưa ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; cơ quan quản lý nhà nước khác chưa ban hành văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương, người nộp thuế có văn bản đề nghị cơ quan thuế khôi phục mã số thuế và cam kết thanh toán các nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, chấp hành việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

c) Người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh đã có hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gửi đến cơ quan thuế nhưng chưa được cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế, đề nghị được tiếp tục hoạt động trở lại.

d) Cơ quan thuế xác định người nộp thuế không thuộc trường hợp phải chấm dứt hiệu lực mã số thuế do lỗi của cơ quan thuế.

2. Hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế

a) Trường hợp người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác đề nghị khôi phục mã số thuế do cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương.

Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không cần chứng thực văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương của cơ quan có thẩm quyền.

b) Trường hợp người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác và hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh đề nghị khôi phục mã số thuế sau khi cơ quan thuế có Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và chưa có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương của cơ quan nhà nước có liên quan.

Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Trường hợp người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh đề nghị khôi phục mã số thuế đã có hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gửi đến cơ quan thuế nhưng chưa được cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế, người nộp thuế đề nghị được tiếp tục hoạt động trở lại.

Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Xử lý khôi phục mã số thuế và trả kết quả

a) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế trong trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này hoặc ngay sau khi phát hiện việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế sai do lỗi của cơ quan thuế theo qui định tại điểm d Khoản 2 Điều này, cơ quan thuế thực hiện:

- Lập Thông báo khôi phục mã số thuế mẫu số 19/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này, gửi người nộp thuế.

- In lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế đã nộp bản gốc cho cơ quan thuế theo hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Cơ quan thuế thực hiện cập nhật trạng thái mã số thuế cho người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành Thông báo khôi phục mã số thuế.

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế trong trường hợp quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này, cơ quan thuế lập danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế còn nợ, số tiền phạt, tiền chậm nộp (nếu có) và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn theo quy định, đồng thời thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở kinh doanh của người nộp thuế và lập Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký theo hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế (người nộp thuế phải ký xác nhận vào Biên bản), đồng thời người nộp thuế phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, nộp đủ số tiền thuế còn nợ, số tiền phạt, tiền chậm nộp (nếu có), cơ quan thuế thực hiện:

- Lập Thông báo khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế mẫu số 19/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này, gửi người nộp thuế.

- In lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế đã nộp bản gốc cho cơ quan thuế theo hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Thông báo khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế được gửi người nộp thuế (theo địa chỉ nhận thông báo thuế đã đăng ký; địa chỉ của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ tịch hội đồng thành viên của công ty hợp danh; địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế để nộp hồ sơ khai thuế qua mạng - nếu có); cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Viện Kiểm sát, cơ quan Công an trên địa bàn; cơ quan cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành Thông báo, đồng thời thực hiện cập nhật trạng thái mã số thuế của người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

c) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế trong trường hợp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều này, cơ quan thuế lập danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế còn nợ, số tiền phạt, tiền chậm nộp (nếu có) và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn theo quy định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, nộp đủ số tiền thuế còn nợ, số tiền phạt, tiền chậm nộp (nếu có), cơ quan thuế thực hiện:

- Lập Thông báo khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế mẫu số 19/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này, gửi người nộp thuế.

- In lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế đã nộp bản gốc cho cơ quan thuế theo hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Cơ quan thuế thực hiện cập nhật trạng thái mã số thuế cho người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành Thông báo khôi phục mã số thuế.

d) Mã số thuế nộp thay sẽ được tự động khôi phục khi mã số thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế cập nhật vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Điều 21. Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng kinh doanh

1. Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn ghi trong thông báo phải có thông báo bằng văn bản mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và cơ quan cấp Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn.

Trường hợp hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh thì thời hạn gửi thông báo tạm ngừng kinh doanh đến cơ

quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước khi tạm ngừng kinh doanh.

2. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh không được quá 01 (một) năm. Sau khi hết thời hạn ghi trên thông báo, nếu tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh vẫn tiếp tục tạm ngừng kinh doanh thì phải gửi thông báo tiếp cho cơ quan thuế và cơ quan cấp Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh kỳ tiếp theo. Trường hợp hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh thì thời hạn gửi thông báo tạm ngừng kinh doanh đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước khi tạm ngừng kinh doanh.

Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 02 (hai) năm.

3. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác và cá nhân khi tạm ngừng kinh doanh nếu có mã số thuế nộp thay thì mã số thuế nộp thay được Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế tự động cập nhật theo mã số thuế của người nộp thuế.

Mục 4

ĐĂNG KÝ THUẾ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC

Điều 22. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế

1. Chia tổ chức kinh tế

a) Đối với tổ chức kinh tế bị chia:

Tổ chức kinh tế bị chia phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức kinh tế bị chia, cơ quan thuế thực hiện các thủ tục và trình tự để chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức kinh tế bị chia theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

b) Đối với tổ chức kinh tế mới được chia:

Các tổ chức kinh tế mới thành lập từ tổ chức kinh tế bị chia phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này.

2. Tách tổ chức kinh tế

a) Đối với tổ chức kinh tế bị tách:

Trường hợp sau khi tách, tổ chức kinh tế bị tách có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế, tổ chức kinh tế phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế trong thời hạn là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hồ sơ gồm:

- Tờ khai điều chỉnh đăng ký thuế mẫu số 08-MST;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định tách tổ chức kinh tế hoặc văn bản tương đương;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương khác.

Cơ quan thuế thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế của tổ chức kinh tế bị tách theo quy định tại Điều 15 Thông tư này. Tổ chức kinh tế bị tách vẫn sử dụng mã số thuế đã được cấp trước đây để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ về thuế.

b) Đối với tổ chức kinh tế được tách:

Tổ chức kinh tế được tách phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này.

3. Sáp nhập tổ chức kinh tế

Tổ chức kinh tế nhận sáp nhập sẽ giữ nguyên mã số thuế. Các tổ chức kinh tế bị sáp nhập sẽ bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

a) Tổ chức kinh tế bị sáp nhập:

Khi có Hợp đồng sáp nhập và văn bản tương đương, các tổ chức kinh tế bị sáp nhập phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức kinh tế bị sáp nhập, cơ quan thuế thực hiện thủ tục và trình tự để chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức kinh tế bị sáp nhập theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

b) Tổ chức kinh tế nhận sáp nhập:

Trong thời hạn 10 (mười) làm việc ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương khác, tổ chức kinh tế nhận sáp nhập phải làm thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế (trường hợp sáp nhập phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế). Hồ sơ gồm:

- Tờ khai điều chỉnh đăng ký thuế mẫu số 08-MST;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương khác.

Cơ quan thuế thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế của tổ chức kinh tế nhận sáp nhập theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

4. Hợp nhất tổ chức kinh tế

a) Tổ chức kinh tế bị hợp nhất:

Khi có Hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản tương đương, các tổ chức kinh tế bị hợp nhất phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có Hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản tương đương theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức kinh tế bị hợp nhất, cơ quan thuế thực hiện thủ tục và trình tự để chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức kinh tế bị hợp nhất theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

b) Tổ chức kinh tế hợp nhất:

Tổ chức kinh tế hợp nhất phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này.

Điều 23. Đăng ký thuế trong trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác

1. Chuyển đơn vị trực thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại

Đơn vị trực thuộc có quyết định chuyển thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại phải thực hiện đăng ký thuế lại để được cơ quan thuế cấp mã số thuế mới theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này. Khi có Quyết định chuyển đổi, đơn vị trước chuyển đổi phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này.

2. Chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác

Một đơn vị độc lập chuyển thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác thì được cấp mã số thuế 13 số theo mã số thuế của đơn vị chủ quản mới. Đơn vị được chuyển đổi phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế trước khi chuyển đổi theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này. Đơn vị trực thuộc mới thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này.

3. Chuyển đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác

Một đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản chuyển thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế cũ theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này. Đơn vị trực thuộc mới thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG MÃ SỐ THUẾ

Điều 24. Trách nhiệm của Người nộp thuế

1. Người nộp thuế có trách nhiệm đăng ký thuế, thay đổi bổ sung thông tin đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư này. Khi chấm dứt hoạt động hoặc tạm ngừng kinh doanh phải khai báo với cơ quan thuế theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Người nộp thuế nộp 01 (một) bộ hồ sơ duy nhất đối với tất cả các thủ tục quy định tại Thông tư này.

3. Người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế theo quy định tại Điều 28 Luật quản lý thuế. Đối với các loại giấy tờ, sổ sách, chứng từ chưa có chỉ tiêu để ghi mã số thuế thì người nộp thuế phải ghi rõ mã số thuế của mình vào góc trên, bên phải trang đầu của các loại giấy tờ, sổ sách, chứng từ đó.

4. Người nộp thuế có trách nhiệm khai báo các thông tin thay đổi của mình cho cơ quan thuế cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế theo đúng quy định. Người nộp thuế có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế và cơ quan Hải quan (nếu có hoạt động xuất, nhập khẩu) trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

5. Người nộp thuế không được cho mượn, tẩy xoá, huỷ hoại hoặc làm giả Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế.

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan Thuế

1. Cơ quan thuế cung cấp mẫu tờ khai đăng ký thuế, hướng dẫn các thủ tục, kê khai hồ sơ đăng thuế (khi người nộp thuế đề nghị), cấp mã số thuế và Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đúng thời hạn quy định. Trường hợp kiểm tra phát hiện hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế chưa đầy đủ theo quy định, thông tin kê khai chưa chính xác, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế, trong đó nêu rõ các nội dung còn thiếu, sai và yêu cầu bổ sung, điều chỉnh.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm sử dụng mã số thuế để quản lý người nộp thuế và ghi mã số thuế trên mọi giấy tờ giao dịch với người nộp thuế.

3. Cơ quan thuế có trách nhiệm xử lý, lưu giữ hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế, xây dựng, quản lý mã số thuế của người nộp thuế và cập nhật thông tin đăng ký thuế thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế đầy đủ, chính xác, kịp thời.

4. Cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin, cung cấp mã số thuế cho các Bộ, ngành để cập nhật vào hệ thống thông tin hiện có của các Bộ, ngành có chức năng quản lý liên quan đến người nộp thuế đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

5. Tổng cục Thuế có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về người nộp thuế được cấp mã số thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, tạm ngừng kinh doanh, người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và khôi phục mã số thuế cho các cơ quan chức năng theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của cơ quan Đăng ký kinh doanh

1. Cơ quan Đăng ký kinh doanh hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức kinh tế của doanh nghiệp đến cơ quan thuế để thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi giải thể doanh nghiệp hoặc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

2. Cơ quan Đăng ký kinh doanh hướng dẫn hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh có đăng ký kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh với cơ quan thuế theo quy định tại Thông tư này.

3. Thông báo cho cơ quan thuế khi thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh.

4. Thực hiện trao đổi thông tin và phối hợp công tác trong quản lý, đăng ký doanh nghiệp theo quy định có liên quan.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan Hải quan

1. Tiếp nhận thông tin đăng ký thuế, thông tin thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng kinh doanh, người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, khôi phục mã số thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế từ cơ quan thuế.

2. Cung cấp cho cơ quan thuế các thông tin thay đổi của người nộp thuế trong quá trình hoạt động xuất, nhập khẩu khi có phát sinh để đồng bộ thông tin về người nộp thuế giữa hai cơ quan.

3. Cung cấp thông tin nợ thuế của người nộp thuế đối với hoạt động xuất, nhập khẩu đầy đủ, chính xác, kịp thời trên trang thông tin của ngành hải quan, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của hoạt động xuất nhập khẩu khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế cho người nộp thuế.

Điều 28. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan

1. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm cập nhật mã số thuế của từng người nộp thuế trên chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước, chứng từ hoàn thuế và các chứng từ hạch toán ngân sách nhà nước khác khi thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hạch toán kế toán thu nộp, hoàn trả từ ngân sách nhà nước; thực hiện trao đổi thông tin về số thuế đã nộp, được hoàn trả của từng người nộp thuế giữa cơ quan Kho bạc và cơ quan thuế theo quy định.

2. Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng phải ghi mã số thuế trong hồ sơ mở tài khoản của người nộp thuế và các chứng từ giao dịch thanh toán.

3. Các Bộ, ngành và các cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của người nộp thuế khi có văn bản yêu cầu và thông báo thông tin thay đổi của người nộp thuế (như giải thể, phá sản, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, tổ chức lại doanh nghiệp) khi hoàn thành việc giải thể, phá sản, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, tổ chức lại doanh nghiệp; bổ sung phần ghi mã số thuế trong các biểu khai báo và các chứng từ có liên quan đến các người nộp thuế thuộc thẩm quyền quản lý và cập nhật thông tin mã số thuế của các người nộp thuế vào hệ thống thông tin dữ liệu của mình và phối hợp thực hiện trao đổi thông tin với Bộ Tài chính, tăng cường quản lý và tạo thuận lợi cho các người nộp thuế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Điều 29. Công khai thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế

1. Cơ quan thuế thực hiện công khai thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế theo các quy định tại Thông tư này trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đối với các trường hợp sau:

a) Người nộp thuế ngừng hoạt động, đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 01);

b) Người nộp thuế ngừng hoạt động, chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03);

c) Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo Thông báo mẫu số 16/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này (trạng thái 06).

d) Người nộp thuế khôi phục mã số thuế theo Thông báo mẫu số 19/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này.

Các thông tin công khai bao gồm: Tên, mã số thuế, địa chỉ, trạng thái mã số thuế, lý do chi tiết trong trường hợp người nộp thuế ở trạng thái mã số thuế, ngày hiệu lực của thông tin thay đổi.

Cơ quan thuế thực hiện công khai thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chậm nhất ngày làm việc tiếp theo kể từ khi cập nhật thay đổi thông tin về đăng ký thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

2. Người nộp thuế có nhu cầu tra cứu thông tin về mã số thuế của mình có thể thực hiện tại địa chỉ Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế điện tử được cơ quan thuế gửi các thông báo qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế hoặc tài khoản giao dịch điện tử theo quy định tại Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2016.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 80/2012/TT-BTC ngày 22/5/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế về việc đăng ký thuế.

3. Bãi bỏ Điều 9 hướng dẫn về thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký thuế và Khoản 3 Điều 20 về thời gian đăng ký thuế đối với bên Việt Nam kê khai và nộp thuế cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính; Bãi bỏ nội dung "cá nhân nộp thuế khoán ngừng/nghỉ kinh doanh thì thông báo ngừng/nghỉ kinh doanh đến cơ quan thuế chậm nhất là một ngày trước khi ngừng/nghỉ kinh doanh" quy định tại Điểm 11.a Điều 6 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài

chính và mẫu số 02/ĐK-NPT-TNCN, mẫu số 02/TB-MST-NPT ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

4. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 31. Trách nhiệm thực hiện

1. Người nộp thuế đã được cấp mã số thuế trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì vẫn được tiếp tục sử dụng mã số thuế đã được cấp. Việc thay đổi thông tin đăng ký thuế được thực hiện kể từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hướng dẫn cơ quan thuế các cấp trong việc đăng ký thuế, cấp mã số thuế, cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế và quản lý sử dụng mã số thuế.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc BTC;
- Website Bộ Tài chính, Website Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT; TCT (VT, KK).230

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục I

DANH MỤC TRẠNG THÁI MÃ SỐ THUẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Mã trạng thái	Tên trạng thái	Nội dung của trạng thái
00	NNT đang hoạt động (đã được cấp GCN đăng ký thuế)	NNT đã được cấp MST và đang hoạt động (trừ các trường hợp được cấp Thông báo MST)
00-01	NNT vi phạm đã chuyển cơ quan công an	NNT vi phạm pháp luật thuế và cơ quan thuế đã có hồ sơ chuyển cơ quan công an giải quyết theo quy định
01	NNT ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST	NNT đã được cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế
02	NNT đã chuyển cơ quan thuế quản lý	NNT đã hoàn thành thủ tục thuế tại cơ quan thuế nơi đi khi làm thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở theo quy định
03	NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST	NNT đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực MST và được cơ quan thuế ra Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế
	Giải thể, phá sản	NNT có quyết định giải thể và đang làm thủ tục giải thể, Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án
	Tổ chức lại tổ chức kinh tế	NNT chấm dứt hoạt động trong trường hợp tổ chức lại tổ chức kinh tế nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST
	Bị thu hồi Giấy phép hoạt động	NNT bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động do vi phạm pháp luật nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST

Mã trạng thái	Tên trạng thái	Nội dung của trạng thái
03	Cưỡng chế nợ thuế	NNT bị áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 93 Luật quản lý thuế
	Đóng theo ĐV chủ quản (đối với MST 13 số)	NNT là đơn vị trực thuộc có đơn vị chủ quản chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt mã số thuế của đơn vị trực thuộc
	Cá nhân chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự	Cá nhân bị chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước
	Khác	Các trường hợp người nộp thuế ngừng hoạt động với các lý do khác nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước
04	NNT đang hoạt động (được cấp thông báo MST)	NNT thuộc các trường hợp được cấp Thông báo mã số thuế quy định
04-01	NNT vi phạm pháp luật đã chuyển cơ quan công an	NNT vi phạm pháp luật thuế và cơ quan thuế đã có hồ sơ chuyển cơ quan công an giải quyết theo quy định
05	NNT tạm ngừng KD có thời hạn	NNT đăng ký tạm ngừng KD theo quy định
06	NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký	NNT bị CQT ra Thông báo không hoạt động tại địa chỉ KD đã đăng ký với cơ quan nhà nước theo quy định

Phụ lục II

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

Số TT	Tên mẫu biểu	Mẫu số	Trang
A	**Hồ sơ của người nộp thuế gửi cơ quan thuế**		
I	**Hồ sơ Đăng ký thuế**		
1	Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho tổ chức)	01-ĐK-TCT	47-51
1.1	Bảng kê các đơn vị độc lập (Kèm theo tờ khai mẫu số 01-ĐK-TCT)	01-ĐK-TCT-K01	52
1.2	Bảng kê các đơn vị trực thuộc đối tượng cấp mã số thuế 13 số (Kèm theo tờ khai mẫu số 01-ĐK-TCT)	01-ĐK-TCT-K02	53
1.3	Bảng kê các đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh không thuộc đối tượng cấp mã số thuế (Kèm theo tờ khai mẫu số 01-ĐK-TCT)	01-ĐK-TCT-K03	54
1.4	Bảng kê các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài (Kèm theo tờ khai mẫu số 01-ĐK-TCT)	01-ĐK-TCT-K04	55
1.5	Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (Kèm theo tờ khai mẫu số 01-ĐK-TCT)	01-ĐK-TCT-K05	56
1.6	Bảng kê tài khoản ngân hàng (Kèm theo tờ khai mẫu số 01-ĐK-TCT)	01-ĐK-TCT-K06	57
2	Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho đơn vị trực thuộc)	02-ĐK-TCT	58-62
2.1	Bảng kê đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh (Kèm theo tờ khai mẫu số 02-ĐK-TCT)	02-ĐK-TCT-BK01	63
2.2	Bảng kê các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài (Kèm theo tờ khai mẫu số 02-ĐK-TCT)	02-ĐK-TCT-BK02	64
2.3	Bảng kê tài khoản ngân hàng (Kèm theo tờ khai mẫu số 02-ĐK-TCT)	02-ĐK-TCT-BK03	65
3	Tờ khai đăng ký (Dùng cho hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh)	03-ĐK-TCT	66-69
3.1	Bảng kê cửa hàng, cửa hiệu trực thuộc (Kèm theo tờ khai mẫu số 03-ĐK-TCT)	03-ĐK-TCT-BK01	70
3.2	Bảng kê tài khoản ngân hàng (Kèm theo tờ khai mẫu số 03-ĐK-TCT)	03-ĐK-TCT-BK02	71
4	Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài/Ban Điều hành liên danh)	04-ĐK-TCT	72-75
4.1	Bảng kê các nhà thầu phụ (Kèm theo tờ khai mẫu số 04-ĐK-TCT)	04-ĐK-TCT-BK01	76
4.2	Bảng kê tài khoản ngân hàng (Kèm theo tờ khai mẫu số 04-ĐK-TCT)	04-ĐK-TCT-BK02	77
5	Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho Bên Việt Nam nộp thay nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức ủy nhiệm thu)	04.1-ĐK-TCT	78
5.1	Bảng kê các hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua bên Việt Nam (Kèm theo tờ khai mẫu số 04.1-ĐK-TCT)	04.1-ĐK-TCT-BK	79
6	Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho cá nhân khác)	05-ĐK-TCT	80-81
7	Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân thông qua cơ quan chi trả thu nhập (Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế cho cá nhân uỷ quyền)	05-ĐK-TH-TCT	82
8	Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế)	06-ĐK-TCT	83
8.1	Bảng kê viên chức ngoại giao thuộc đối tượng hoàn thuế GTGT (Kèm theo tờ khai mẫu số 06-ĐK-TCT)	06-ĐK-TCT-BK01	84
9	Tờ khai đăng ký người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công	20-ĐKT-TCT	102-103
10	Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thông qua cơ quan chi trả thu nhập	20-ĐKT-TH-TCT	104-105

II	**Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế**		
1	Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế	08-MST	85
2	Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm (trường hợp thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở làm thay đổi cơ quan thuế quản lý)	09-MST	86-87
III	**Hồ sơ, văn bản khác**		
1	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế/Thông báo mã số thuế	13-MST	93
2	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của người nộp thuế	23/ĐKT-TCT	108
3	Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế	24/ĐKT-TCT	109
4	Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế	25/ĐKT-TCT	110
B	**Văn bản, Thông báo của cơ quan thuế**		
I	**Kết quả đăng ký thuế**		
1	Giấy chứng nhận đăng ký thuế	10-MST	88-89
2	Thông báo mã số thuế	11-MST	90
3	Giấy chứng nhận mã số thuế cá nhân	12-MST	91-92
4	Thông báo danh sách mã số thuế của cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập	14-MST	94
5	Thông báo mã số thuế của người phụ thuộc	21-MST	106
6	Thông báo danh sách mã số thuế của người phụ thuộc đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập	22-MST	107
II	**Thông báo, biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký**		
1	Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký	15/BB-BKD	95-96
2	Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký	16/TB-ĐKT	97-98
III	**Thông báo khác**		
1	Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế	17/TB-ĐKT	99
2	Thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế	18/TB-ĐKT	100
3	Thông báo về việc khôi phục mã số thuế	19/TB-ĐKT	101
4	Thông báo về việc đơn vị chủ quản được nhận diện không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký	26/TB-ĐKT	111

Dành cơ quan thuế ghi Ngày nhận tờ khai: Nơi nhận:	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	Mẫu số: 01-ĐK-TCT *(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)*

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

☐ Tổ chức SXKD ☐ Tổ chức không kinh doanh ☐ Tổ chức được hoàn thuế ☐ Hợp đồng dầu khí ☐ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

MÃ SỐ THUẾ *Dành cho cơ quan thuế ghi*	DÙNG CHO TỔ CHỨC

1. Tên người nộp thuế

2. Địa chỉ trụ sở chính	**3. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
2a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:	3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
2b. Phường/Xã/Thị trấn:	3b. Phường/Xã/Thị trấn:
2c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:	3c. Quận/ Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
2d. Tỉnh/Thành phố:	3d. Tỉnh/Thành phố:
2đ. Điện thoại: /Fax:	3đ. Điện thoại: /Fax:
E-mail:	E-mail:

4. Quyết định thành lập	**5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
4a. Số quyết định:	5a. Số:
4b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	5b. Ngày cấp: .../.../.....
4c. Cơ quan ra quyết định:	5c. Cơ quan cấp:

6. Đăng ký xuất nhập khẩu	**7. Ngành nghề kinh doanh chính**
☐ Có ☐ Không	

8. Vốn điều lệ:			**9. Ngày bắt đầu hoạt động: .../.../...**
8.1. Vốn trong nước:			
8.1a. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng:	%	
8.1b. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng:	%	
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng:	%	
8.3. Vốn khác:	Tỷ trọng:	%	

10. Loại hình kinh tế

☐ Công ty cổ phần	☐ Công ty hợp danh	☐ Hợp tác xã	☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN
☐ Công ty TNHH	☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	☐ Tổ hợp tác	☐ Đơn vị vũ trang
☐ Doanh nghiệp tư nhân	☐ Tổ chức là thương nhân biên giới	☐ Đơn vị sự nghiệp	☐ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh

☐ Độc lập ☐ Phụ thuộc

Áp dụng từ ngày .../...

12. Năm tài chính

đến ngày .../...

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN**
13a. Mã số thuế:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp:	14b. Chức vụ:
13c. Địa chỉ trụ sở chính:	14c.Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: ☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ CMT biên giới ☐ Giấy thông hành ☐ Khác
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/ thôn:	Số giấy tờ:.....
Phường/ xã/Thị trấn:	Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp.....
Quận/ Huyện/Thành phố thuộc tỉnh:	14d. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Tỉnh/ Thành phố:	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/ thôn:
Quốc gia:	Phường/xã/Thị trấn:
	Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh:
	Tỉnh/Thành phố:
	Quốc gia:
	14đ. Chỗ ở hiện tại:
	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/ thôn:
	Phường/xã/Thị trấn:
	Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh:
	Tỉnh/ Thành phố:
	Quốc gia:
	14e. Thông tin khác
	Điện thoại: /Fax:
	Email: Website:

15. Các loại thuế phải nộp

☐ Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài

☐ Thuế bảo vệ môi trường ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Thuế SDĐPNN ☐ Thuế đất ☐ Khác

16. Phương pháp tính thuế GTGT ☐ Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐ Trực tiếp trên doanh số ☐ Không phải nộp thuế GTGT

17. Thông tin về các đơn vị liên quan

☐ Có đơn vị độc lập ☐ Có đơn vị trực thuộc ☐ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

☐ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng trực thuộc ☐ Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài

18. Thông tin khác

18a. Tên giám đốc/tổng giám đốc:	18c. Tên kế toán trưởng:
18b. Điện thoại liên lạc:	18d. Điện thoại liên lạc:

19. Tài khoản ngân hàng

☐ Có tài khoản ngân hàng

20. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có)

☐ Sáp nhập ☐ Hợp nhất ☐ Tách ☐ Chia ☐ Khác

Mã số thuế trước của tổ chức đó: .....

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

..., ngày... /... /.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức SXKD": tích chọn trong trường hợp người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư này,
- "Tổ chức không kinh doanh": tích chọn trong trường hợp người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Thông tư này.
- "Tổ chức được hoàn thuế": tích chọn trong trường hợp người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Thông tư này.
- "Hợp đồng dầu khí": tích chọn trong trường hợp người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2a Điều 7 Thông tư này.
- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": tích chọn trong trường hợp người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của tổ chức
- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.
- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

3. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

4. Quyết định thành lập:

- Đối với tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.
- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

6. Đăng ký xuất nhập khẩu: Nếu tổ chức có hoạt động xuất, nhập khẩu thì đánh dấu "Có", ngược lại đánh dấu "Không".

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam). Người nộp thuế chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế đang kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).
- Đối với doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).
- Đối với tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Ngày bắt đầu hoạt động của tổ chức.

10. Loại hình kinh tế: Tổ chức tự đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Chỉ đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế, địa chỉ của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý tổ chức.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Các loại thuế phải nộp: Đánh dấu X vào những ô tương ứng với những sắc thuế mà tổ chức phải nộp.

16. Phương pháp tính thuế GTGT: đánh dấu X vào một trong các ô của chỉ tiêu này.

17. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu có đơn vị độc lập thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị độc lập", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các đơn vị độc lập" mẫu số 01-ĐK-TCT-BK01.
- Nếu có đơn vị trực thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị trực thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị trực thuộc thuộc đối tượng cấp mã số thuế 13 số" mẫu số 01-ĐK-TCT-BK02 (đối với trường hợp phải cấp mã số thuế cho đơn vị trực thuộc) hoặc "Bảng kê các đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh không thuộc đối tượng cấp mã số thuế" mẫu số 01-ĐK-TCT-BK03 (đối với đơn vị trực thuộc không phải cấp mã số thuế).
- Nếu có địa điểm kinh doanh, kho hàng trực thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng trực thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh không thuộc đối tượng cấp mã số thuế" mẫu số 01-ĐK-TCT-BK03.
- Nếu có nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số 01-ĐK-TCT-BK04.
- Nếu có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số 01-ĐK-TCT-BK05 (đối với hợp đồng dầu khí).

18. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, và số điện thoại liên lạc của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Kế toán trưởng.

19. Tài khoản ngân hàng: Nếu có tài khoản mở tại ngân hàng, kho bạc thì đánh dấu X vào ô "Có tài khoản ngân hàng", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các tài khoản ngân hàng" mẫu số 01-ĐK-TCT-BK06.

20. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

21. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

22. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Mẫu số: **01-ĐK-TCT- BK01**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các đơn vị độc lập
(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Mã số thuế (nếu có)	Tên gọi	Số nhà, đường phố (thôn, xóm)	Phường/xã	Quận/huyện	Tỉnh/thành phố

...., ngày...../...../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 01-ĐK-TCT-BK02
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các đơn vị trực thuộc thuộc đối tượng cấp mã số thuế 13 số
(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Số nhà, đường phố (thôn xóm)	Phường/xã	Quận/huyện	Tỉnh/ thành phố

...., ngày...../...../.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **01-ĐK-TCT-BK03**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh không thuộc đối tượng cấp mã số thuế

(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Tên đơn vị trực thuộc/địa điểm kinh doanh	Số nhà, đường phố (thôn xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/thành phố
A	Đơn vị trực thuộc				
1					
2					
....					
B	Địa điểm kinh doanh				
1					
2					
....					

...., ngày...../... .../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **01-ĐK-TCT-BK04**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu tại Việt Nam (nếu có)	Mã số thuế của nhà thầu tại nước ngoài (nếu có)	Số/ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng
1							
2							
...							

...., ngày...../... .../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **01-ĐK-TCT-BK05**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Tên Nhà thầu, Nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu tại Việt Nam (nếu có)	Mã số thuế của nhà thầu tại nước ngoài (nếu có)	Số/ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng
A	Nhà thầu						
1							
2							
...							
B	Nhà đầu tư						
1							
2							
...							

...., ngày...../...../.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **01-ĐK-TCT-BK06**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Tài khoản ngân hàng
(Kèm theo Mẫu số 01-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Tên Ngân hàng *(Ghi rõ chi nhánh/Phòng giao dịch)*	Số tài khoản

...., ngày...../... .../.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Dành cơ quan thuế ghi Ngày nhận tờ khai: Nơi nhận:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **02-ĐK-TCT** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)*

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

DÙNG CHO ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

MÃ SỐ THUẾ | *Dành cho cơ quan thuế ghi*

1. Tên người nộp thuế

2. Địa chỉ trụ sở chính	**3. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
2a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/ thôn:	3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
2b. Phường/Xã/Thị trấn:	3b. Phường/xã/Thị trấn:
2c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:	3c. Quận/ Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
2d. Tỉnh/Thành phố:	3d. Tỉnh/Thành phố:
2đ. Điện thoại: / Fax:	3đ. Điện thoại: / Fax:
2e. E-mail:	3e. E-mail:

4. Quyết định thành lập	**5. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
4a. Số quyết định:	5a. Số:
4b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	5b. Ngày cấp: .../.../.....
4c. Cơ quan ra quyết định:	5c. Cơ quan cấp:

6. Đăng ký xuất nhập khẩu	**7. Ngành nghề kinh doanh chính**
☐ Có ☐ Không	

8. Vốn điều lệ:		
8.1. Vốn trong nước:		
8.1a. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng:	%
8.1b. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng:	%
8.2.Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng:	%
8.3. Vốn khác:	Tỷ trọng:	%

9. Ngày bắt đầu hoạt động: .../.../...

10. Loại hình kinh tế

☐ Công ty cổ phần	☐ Công ty hợp danh	☐ Hợp tác xã	☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN
☐ Công ty TNHH	☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	☐ Tổ hợp tác	☐ Đơn vị vũ trang
☐ Doanh nghiệp tư nhân	☐ Tổ chức là thương nhân biên giới	☐ Đơn vị sự nghiệp	☐ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh	**12. Năm tài chính**
☐ Độc lập ☐ Phụ thuộc	Áp dụng từ ngày .../... đến ngày .../...

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN
13a. Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐ 13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp: 13c. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/ thôn: Phường/ xã/Thị trấn: Quận/ Huyện/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/ Thành phố: Quốc gia:	☐ Tổ chức của VN ☐ Thương nhân nước ngoài 14a. Tên người đại diện theo pháp luật: 14b. Chức vụ:... 14c.Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: ☐CMND ☐CCCD ☐ Hộ chiếu ☐CMT biên giới ☐Giấy thông hành ☐ Khác Số giấy tờ:..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp..... 14d. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/ thôn: Phường/xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia: 14đ. Chỗ ở hiện tại: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/ thôn: Phường/xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/ Thành phố: Quốc gia: 14e. Thông tin khác Điện thoại: /Fax: Email: Website:

15. Các loại thuế phải nộp

☐ Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài

☐ Thuế bảo vệ môi trường ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Thuế SDĐPNN ☐ Thuế đất ☐ Khác

16. Phương pháp tính thuế GTGT ☐ Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐ Trực tiếp trên doanh số ☐ Không phải nộp thuế GTGT

17. Thông tin về các đơn vị liên quan

☐ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng trực thuộc, đơn vị trực thuộc khác ☐ Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài ☐ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

18. Thông tin khác

18a. Tên giám đốc:	18c. Tên kế toán trưởng:
18b. Điện thoại liên lạc:	18d. Điện thoại liên lạc:

19. Tài khoản ngân hàng

☐ Có tài khoản ngân hàng

20. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có)

☐ Sáp nhập ☐ Hợp nhất ☐ Tách ☐ Chia ☐ Khác

Mã số thuế trước của tổ chức đó: .....

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

..., ngày... /... /... ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 02-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Địa chỉ trụ sở: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của tổ chức
- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.
- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

3. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Chỉ khai vào chỉ tiêu này nếu tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính để cơ quan thuế liên hệ.

4. Quyết định thành lập:

- Đối với đơn vị trực thuộc của tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.
- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

5. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

6. Đăng ký xuất nhập khẩu: Nếu tổ chức có hoạt động xuất, nhập khẩu thì đánh dấu "Có", ngược lại đánh dấu "Không".

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của

Việt Nam). Người nộp thuế chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế đang kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).
- Đối với doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).
- Đối với tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Ngày bắt đầu hoạt động của đơn vị trực thuộc.

10. Loại hình kinh tế: Tổ chức tự đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Chỉ đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế, địa chỉ của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị trực thuộc.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Các loại thuế phải nộp: Đánh dấu X vào những ô tương ứng với những sắc thuế mà đơn vị trực thuộc phải nộp.

16. Phương pháp tính thuế GTGT: Tổ chức tự đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

17. Thông tin về các đơn vị liên quan:

- Nếu có địa điểm kinh doanh, kho hàng trực thuộc, đơn vị trực thuộc khác thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng trực thuộc, đơn vị trực thuộc khác", sau đó kê khai rõ vào "Bảng kê đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh" mẫu số 02-ĐK-TCT-BK01.
- Nếu có Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số 02-ĐK-TCT-BK02.
- Nếu có Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số 02-ĐK-TCT-BK02.

18. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, và số điện thoại liên lạc của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Kế toán trưởng.

19. Tài khoản ngân hàng: Nếu có tài khoản mở tại ngân hàng, kho bạc thì đánh dấu X vào ô "Có tài khoản ngân hàng", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các tài khoản ngân hàng" mẫu số 02-ĐK-TCT-BK03.

20. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

21. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

22. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Mẫu số: 02-ĐK-TCT-BK01
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh
(Kèm theo Mẫu số 02-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Tên gọi	Địa chỉ	Phường/xã	Quận/huyện	Tỉnh/thành phố
A	Đơn vị trực thuộc				
1					
2					
...					
B	Địa điểm kinh doanh				
1					
2					
...					

...., ngày...../...../.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 02-ĐK-TCT-BK02
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo Mẫu số 02-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu tại Việt Nam (nếu có)	Mã số thuế của nhà thầu tại nước ngoài (nếu có)	Số/ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng
1							
2							
...							

...., ngày...../...../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **02-ĐK-TCT-BK03**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Tài khoản ngân hàng
(Kèm theo Mẫu số 02-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Tên Ngân hàng *(Ghi rõ chi nhánh/Phòng giao dịch)*	Số tài khoản

...., ngày...../... .../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Dành cơ quan thuế ghi Ngày nhận tờ khai: Nơi nhận:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **03-ĐK-TCT** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)*

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

MÃ SỐ THUẾ *(Dành cho CQT ghi hoặc NNT ghi khi đăng ký đã có mã số thuế)*	DÙNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, NHÓM CÁ NHÂN, CÁ NHÂN KINH DOANH

1. Tên người nộp thuế

2. Địa chỉ kinh doanh
2a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
2b. Phường/Xã/Thị trấn:
2c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
2d. Tỉnh/Thành phố:
2đ. Điện thoại: / Fax:

3. Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
3a. Số nhà, đường phố/ xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/ Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
3d. Tỉnh/Thành phố:
3đ. Điện thoại: / Fax:
E-mail:

4. Thông tin về đại diện hộ kinh doanh
4a. Họ và tên:
4b. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Phường/Xã/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
4c. Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Phường/Xã/Thị trấn:
Quận/ Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
4d. Thông tin khác:
Điện thoại: / Fax:
E-mail: / Website :

5. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có).
5a. Số:
5b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan cấp:

6. Thông tin về giấy tờ của đại diện hộ kinh doanh
6a. Ngày sinh: ...../...../..... 6b. Quốc tịch: .....
6c. Số CMND:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....
6đ. Số Hộ chiếu..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....
6e. Số giấy thông hành (đối với thương nhân nước ngoài) ..... Ngày cấp.....Nơi cấp.....
6g. Số CMND biên giới (đối với thương nhân nước ngoài) ..... Ngày cấp.....Nơi cấp.....
6h. Số Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND): Số Giấy tờ chứng thực cá nhân.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

7. Vốn kinh doanh (đồng):

8. Ngành nghề kinh doanh chính

9. Đăng ký xuất nhập khẩu
☐ Có ☐ Không

10. Ngày bắt đầu hoạt động: .../.../...

11. Các loại thuế phải nộp

☐ Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Môn bài

☐ Thuế bảo vệ môi trường ☐ Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản ☐ Thuế SDĐPNN ☐ Khác

12. Tình trạng đăng ký thuế ☐ Cấp mới ☐ Tái hoạt động SXKD ☐ Khác

13. Thông tin về các đơn vị liên quan

☐ Có cửa hàng, cửa hiệu

14. Tài khoản ngân hàng

☐ Có tài khoản ngân hàng

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

..., ngày... /... /.....

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 03-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh. Trường hợp có Giấy chứng nhân đăng ký hộ kinh doanh thì phải ghi đúng theo tên hộ kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

2. Địa chỉ kinh doanh: Ghi rõ địa chỉ kinh doanh của hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh gồm: số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax.

3. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

4. Thông tin về đại diện hộ kinh doanh: Ghi đầy đủ các thông tin của người đại diện của hộ gia đình, nhóm cá nhân và cá nhân kinh doanh (Họ và tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại). Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax.

5. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh của Việt Nam và cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có).
- Đối với hộ kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu: Ghi rõ số, ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKKD. Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

6. Giấy tờ của đại diện hộ kinh doanh: Ghi rõ số, ngày cấp, cơ quan cấp 1 trong các giấy tờ của người đại diện hộ kinh doanh: chứng minh nhân dân; căn cước công dân; hộ chiếu; giấy tờ chứng thực khác do cơ quan có thẩm quyền cấp. Riêng thông tin "nơi cấp" chỉ ghi tỉnh, thành phố cấp.

7. Vốn kinh doanh: Ghi theo thông tin "vốn kinh doanh" trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc không có thông tin về vốn kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ghi theo vốn thực tế đang kinh doanh.

8. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Người nộp thuế chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế đang kinh doanh.

9. Đăng ký xuất nhập khẩu: Nếu hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh có hoạt động xuất, nhập khẩu thì đánh dấu "Có", ngược lại đánh dấu "Không".

10. Ngày bắt đầu hoạt động: Ghi rõ ngày hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

11. Các loại thuế phải nộp: Đánh dấu X vào những ô tương ứng với những sắc thuế mà hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh phải nộp.

12. Tình trạng đăng ký thuế:

Nếu hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh lần đầu đăng ký thuế để cấp mã số thuế với cơ quan thuế thì đánh dấu X vào ô "Cấp mới".

Nếu hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh sau một thời gian không hoạt động kinh doanh đã chuyển mã số thuế của cá nhân đại diện hộ kinh doanh thành mã số thuế của cá nhân, hoạt động kinh doanh trở lại thì đánh dấu X vào ô "Tái hoạt động SXKD" và ghi mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp vào ô "Mã số thuế" của tờ khai.

13. Thông tin về các đơn vị có liên quan: Trường hợp hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh có thêm các cửa hàng, cửa hiệu khác thì đánh dấu X vào ô "Có cửa hàng, cửa hiệu" đồng thời kê khai vào Bảng kê các cửa hàng, cửa hiệu trực thuộc" mẫu số 03-ĐK-TCT-BK01.

14. Tài khoản ngân hàng: Nếu có tài khoản mở tại ngân hàng, kho bạc thì đánh dấu X vào ô "Có tài khoản ngân hàng", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các tài khoản ngân hàng" mẫu số 03-ĐK-TCT-BK02.

Mẫu số: 03-ĐK-TCT-BK01
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Cửa hàng, cửa hiệu trực thuộc
(Kèm theo Mẫu số 03-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Tên cửa hàng, cửa hiệu	Địa chỉ	Phường/xã	Quận/huyện	Tỉnh/thành phố

...., ngày...../...../.....
ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH
Ký, ghi rõ họ tên

Mẫu số: 03-ĐK-TCT-BK02
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Tài khoản ngân hàng
(Kèm theo Mẫu số 03-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): .....

STT	Tên Ngân hàng *(Ghi rõ chi nhánh/Phòng giao dịch)*	Số tài khoản

...., ngày...../...../.....
ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH
Ký, ghi rõ họ tên

Dành cơ quan thuế ghi For tax office only
Ngày nhận tờ khai: Date of receive

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
TAX REGISTRATION FORM

Mẫu số: **04-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

DÙNG CHO CÁC NHÀ THẦU, NHÀ THẦU PHỤ NƯỚC NGOÀI/BAN ĐIỀU HÀNH LIÊN DANH
Use for contractor/sub-contractor/management board

MÃ SỐ THUẾ
TAX IDENTIFICATION NUMBER
Dành cho cơ quan thuế ghi
For tax office only

1. Tên nhà thầu/nhà thầu phụ/Ban điều hành liên danh
Name of contractor/ sub-contractor/management board

2. Quốc tịch Nationality:

3. Địa chỉ trụ sở chính
Address of the head office

Điện thoại (Tel):
Fax:
Email:

4. Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam
Address of management office in Vietnam

4a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:
Street number, Street name or Commune

4b. Phường/ xã
Ward

4c. Quận/Huyện:
District

4d. Tỉnh/Thành phố:
Province/ City

4e. Điện thoại (Tel): Fax: Email:

5. Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam
Business licence in Vietnam

5a. Số giấy phép:
Number

5b. Ngày cấp: ..../..../.....
Date

5c. Cơ quan cấp:
Granted by

6. Hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ
Contract for Contractor/Sub-Contractor operation in Vietnam

6a. Số:
Number

6b. Ngày ...../..../.....
Date

6c. Ký với:
Signed with

Mã số NNT tại Việt Nam (nếu có):
Tax payers identification number in Vietnam (if any)

7. Đăng ký xuất nhập khẩu
Registration of import, export activities

☐ Có
Yes

☐ Không
No

8. Mục tiêu hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng
Contract objectives

9. Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng
Location of according to the contract

10. Thời gian thực hiện hợp đồng
Contract duration

Từ: ...../..... đến ...../.....
From: ...../..... to ...../.....

11. Nhà thầu phụ
Do you have sub-contractor?

☐ Có
Yes

☐ Không
No

12. Thông tin người đại diện của nhà thầu (hoặc nhà thầu phụ): Information of representative of contractor (or sub-contractor)
12a. Tên người đại diện theo pháp luật: Name of representative of contractor (or sub-contractor) 12b. Chức vụ:....: Possition 12c. Chứng từ chứng thực cá nhân: Số giấy chứng thực cá nhân..... Ngày cấp..... Ngày hết hạn:.....Nơi cấp..... Passport or Identify number:..... Date of Issue ..... Date of Expiration ..... Place of Issue ..... 12d. Địa chỉ tại Việt Nam: Address of representative of contractor (or sub-contractor) in Vietnam Số nhà/ Đường phố: Street number, Street name or Commune Phường/xã: Ward Quận/Huyện: District Tỉnh/Thành phố: Province/City 12e. Thông tin khác Others Điện thoại (tel): /Fax: Email: Website:

13. Phương pháp tính thuế GTGT VAT calculation method	☐ Khấu trừ Deduction method	☐ Trực tiếp trên GTGT Directly method

14. Phương pháp tính thuế TNDN CIT calculation method	☐ Doanh thu, chi phí Revenues, expenses	☐ Trực tiếp trên doanh thu Directly method

15. Năm tài chính **Finacial year**	Áp dụng từ ngày .../... From: dd....mm... yy...	đến ngày .../... To: dd....mm... yy...

16. Tài khoản ngân hàng Bank account	☐ Có Yes	☐ Không No

17. Tài liệu kèm theo Attachments

Cam kết của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp về thuế, nộp kịp thời và đầy đủ các khoản thuế phát sinh, đảm bảo việc khấu trừ và nộp đủ các khoản thuế của Nhà thầu và người lao động làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng.
Contractors, sub-contractors commit to observe all tax laws, timely and fully pay taxes, ensure to withhold and pay full tax dues of sub-contractors and employees involved in the contract in Vietnam.

	..., ngày: ...../...../..... *..., date:* ...../...../.....
	NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU/NHÀ THẦU PHỤ/BAN ĐIỀU HÀNH LIÊN DANH Representative of contractor (or sub-contractor) *(Signature)*

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 04-ĐK-TCT
GUIDANCE FOR DECLARATION

1. Tên nhà thầu, nhà thầu phụ, Ban điều hành liên danh: ghi đầy đủ tên (kể cả viết tắt) của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ hoặc Ban điều hành liên danh tham gia các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không theo các hình thức quy định tại Luật Đầu tư.

Name of contractor/sub-contractor/management board: Write full name (including abbreviated name) of contractor or sub-contractor or management board doing business in Vietnam under the form not stipulated in the Law of Invesment.

2. Quốc tịch: Ghi rõ quốc tịch của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ.

Nationality: Fill in clearly the nationality of the contractor/sub-contractor/management board.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Nếu là cá nhân thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi cá nhân cư trú.

Nếu là tổ chức hoặc công ty thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi đặt trụ sở chính.

Address of head office:

If contractor/sub-contractor is an idividual, fill in address, telephone number, fax number of residency.

If contractor/sub-contractor is an organisation or company, fill in address, telephone number, fax number of the head office.

4. Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam:

Nếu là cá nhân thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi cá nhân cư trú tại Việt Nam để điều hành hoạt động.

Nếu là các tổ chức hoặc công ty thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi đặt trụ sở văn phòng điều hành tại Việt Nam.

Address of Management office in Vietnam:

If contractor/sub-contractor is an idividual, fill in address, telephone number, fax number of the individual residing in Vietnam to do business.

If contractor/sub-contractor is an organisation or company, fill in address, telephone number, fax number of the management office in Vietnam.

5. Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam: Căn cứ vào giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp để điền vào các chỉ tiêu tương ứng.

Business license in Vietnam:

Based on the business license granted by the competent Goverment authority, fill in the relevant items in the form.

6. Hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ: Căn cứ vào hợp đồng được ký kết mà điền vào các chỉ tiêu cho phù hợp.

Contract for contractor/sub-contractor operation in Vietnam:

Based on the signed contract, fill in the relevant items in the form.

7. Đăng ký xuất nhập khẩu: Nếu có hoạt động xuất nhập khẩu thì đánh dấu "Có" và ngược lại đánh dấu "Không".

Import- Export registration: If have import- export activities, please check "Yes", vice versa check "No".

8. Mục tiêu hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng: Ghi cụ thể từng mục tiêu hoạt động của hợp đồng.

Contract objectives:

Declare each operation objective of the contract concretely.

9. Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng: Ghi cụ thể các địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng. Trong trường hợp tiến hành công việc tại nhiều địa phương khác nhau thì phải kê khai đầy đủ các địa điểm tiến hành công việc tại địa phương đó.

Location of business according to the contract:

Declare each operation location of the contract concretely. In case of doing business at many different location, contractor/sub-contract has to declare fully the location to do business.

10. Thời gian thực hiện hợp đồng: Ghi rõ thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng, năm đến tháng, năm.

Contract duration: Fill inclearly contract duration from month, year to month, year.

11. Nhà thầu phụ: Nếu có các Nhà thầu phụ thực hiện một phần hợp đồng yêu cầu kê khai đầy đủ các Nhà thầu phụ theo bảng kê mẫu số 04-ĐK-TCT-BK02 đính kèm tờ khai đăng ký thuế.

Do you have sub-contractor:

If there are sub-contractors taking part in the contract, please declare fully in the Sub-contracor form of 04-ĐK-TCT-BK02 declare attached.

12. Thông tin người đại diện của nhà thầu (hoặc nhà thầu phụ): Ghi rõ thông tin về người đại diện của nhà thầu (hoặc nhà thầu phụ).

Declare information of representative of contractor (or sub-contractor)

13. Phương pháp tính thuế GTGT: Declare information of VAT calculation method

14. Phương pháp tính thuế TNDN: Declare information of CIT calculation method

15. Năm tài chính: Declare information of finacial year (From ... to ...)

16. Tài khoản ngân hàng: Nếu có thì kê khai vào "Bảng kê tài khoản ngân hàng" mẫu số 04-ĐK-TCT-BK02. Nếu không thì không phải kê vào bảng kê.

If there are any bank account, please declare fully in the bank account list form of 04-ĐK-TCT-BK02 declare attached.

17. Tài liệu kèm theo: Ghi các tài liệu gửi cho cơ quan thuế kèm theo tờ khai đăng ký thuế.

Attachments: List all documents attached to the Tax Registration Form

Mẫu số: **04-ĐK-TCT-BK01**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu phụ (Sub-contractor declaration)
(Kèm theo Mẫu 04-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....
Name of contractor/ sub-contractor/management board
Mã số thuế (nếu có): .....
Taxapayer identification number (if any)

STT No	Tên nhà thầu phụ Name of sub-contractor	Quốc tịch Nationality	Mã số đăng ký ĐTNT tại VN (nếu có) Taxapayer identification number in Vietnam (if any)	Số hợp đồng Sub-contract number	Giá trị hợp đồng Sub-contract value	Địa điểm thực hiện Location of business according to the sub-contract	Số lượng lao động Employees hired in the sub-contract

	..., ngày: ...../...../..... *..., date:* ...../...../.....
	NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU/NHÀ THẦU PHỤ/BAN ĐIỀU HÀNH LIÊN DANH Representative of contractor (or sub-contractor) *(Signature)*

Mẫu số: **04-ĐK-TCT-BK02**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Tài khoản ngân hàng (Banking Account Declaration)
(Kèm theo Mẫu số 04-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:.....
Name of contractor/ sub-contractor/management board
Mã số thuế (nếu có): .....
Taxapayer identification number (if any)

STT No	**Tên Ngân hàng** *(Ghi rõ chi nhánh/Phòng giao dịch)* *Name of Bank* *(Declare branch/transaction)*	**Số tài khoản** Account number

	..., ngày: ...../..../..... *..., date:* ...../...../.....
	NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU/NHÀ THẦU PHỤ/BAN ĐIỀU HÀNH LIÊN DANH Representative of contractor (or sub-contractor) *(Signature)*

Dành cơ quan thuế ghi
Ngày nhận tờ khai:

Mẫu số: **04.1-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

☐ Nộp thay NTNN, hợp tác KD ☐ Ủy nhiệm thu

DÙNG CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHẤU TRỪ NỘP THAY

MÃ SỐ THUẾ NỘP THAY *Dành cho cơ quan thuế ghi*

1. Tên tổ chức, cá nhân:

2. Mã số thuế đã được cấp:

3. Quyết định thành lập

3a. Số quyết định:

3b. Ngày quyết định:

3c. Cơ quan cấp:

4. Địa chỉ trụ sở
4a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:
4b. Phường/xã
4c. Quận/ Huyện:
4d. Tỉnh/ Thành phố:
4e. Điện thoại: /Fax: Email:

5. Địa chỉ nhận thông báo của cơ quan thuế (chỉ khai thông tin này nếu khác địa chỉ trụ sở)
5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:
5b. Phường/xã
5c. Quận/ Huyện:
5d. Tỉnh/ Thành phố:
5e. Điện thoại: /Fax: Email:

6. Các loại thuế khai, nộp thay thuế nhà thầu nước ngoài/cá nhân hợp đồng, hợp tác kinh doanh/ủy nhiệm thu

☐ Giá trị gia tăn☐ ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài

☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác

7. Thông tin về người đại diện theo pháp luật	
7a. Tên:	7b. Địa chỉ
7c. Điện thoại/ Fax:	7d. Email:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

	..., ngày... /... /... ... **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)*

Mẫu số: 04.1-ĐK-TCT-BK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam

(Kèm theo Mẫu số 04.1-ĐK-TCT)

Tên Người nộp thuế:.....

Mã số thuế nộp thay (nếu có): .....

STT	Mã số thuế của nhà thầu/nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có)	Tên nhà thầu/nhà thầu phụ nước ngoài	Địa chỉ trụ sở chính	Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam	Số/ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng

...., ngày...../... .../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **05-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

Dành cơ quan thuế ghi

Ngày nhận tờ khai:

Nơi nhận:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DÙNG CHO CÁ NHÂN KHÁC

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Phần dành cho cơ quan thuế ghi)

Mã số thuế

1. Họ và tên người đăng ký thuế: .....

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

4. Quốc tịch:.....

5. Giấy tờ của cá nhân:

5a. Số chứng minh nhân dân ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

5b. Số căn cước công dân ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

5c. Số hộ chiếu ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

5d. Số giấy tờ khác (nếu có) ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

6. Địa chỉ đăng ký theo hộ khẩu:

6a. Số nhà/đường phố, thôn, xóm: .....

6b. Xã, phường: .....

6c. Quận, huyện: .....

6d. Tỉnh, thành phố: .....

6đ. Quốc gia: .....

7. Địa chỉ cư trú:

7a. Số nhà/đường phố, thôn, xóm: .....

7b. Xã, phường: .....

7c. Quận, huyện: .....

7d. Tỉnh, thành phố: .....

8. Điện thoại liên hệ: ..... Email: .....

9. Cơ quan chi trả thu nhập tại thời điểm đăng ký thuế: .....

Tôi cam kết những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

...., ngày....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ THUẾ

Ký và ghi rõ họ tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

MẪU SỐ 05-ĐK-TCT

1. Họ và tên người đăng ký thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên cá nhân đăng ký thuế.

2. Ngày, tháng, năm sinh: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đăng ký thuế.

3. Giới tính: Tích vào 1 trong 2 ô Nam hoặc Nữ.

4. Quốc tịch: Ghi rõ Quốc tịch của cá nhân đăng ký thuế.

5. Số giấy tờ chứng thực của cá nhân: Ghi đầy đủ thông tin vào các loại giấy tờ mà cá nhân đăng ký thuế có.

6. Địa chỉ đăng ký theo hộ khẩu: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ của cá nhân đã được ghi trên sổ hộ khẩu.

7. Địa chỉ cư trú: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ về nơi ở hiện tại của cá nhân.

8. Điện thoại liên hệ, email: Ghi số điện thoại, địa chỉ email (nếu có)

9. Cơ quan chi trả thu nhập tại thời điểm đăng ký thuế: Ghi cơ quan chi trả thu nhập đang công tác tại thời điểm đăng ký thuế (nếu có).

Dành cơ quan thuế ghi
Ngày nhận tờ khai:
Nơi nhận:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **05-ĐK-TH-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

DÙNG CHO CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP ĐĂNG KÝ THUẾ CHO CÁ NHÂN UỶ QUYỀN

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ TỔNG HỢP CHO CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG THÔNG QUA CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP

☐ Đăng ký thuế ☐ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập:
2. Mã số thuế:
3. Cơ quan thuế quản lý:

STT	Họ và tên người nộp thuế	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Số CMND hoặc CCCD	Ngày cấp CMND hoặc CCCD	Nơi cấp CMND hoặc CCCD	Địa chỉ đăng ký theo hộ khẩu					Địa chỉ cư trú				Điện thoại liên hệ	Email
								Số nhà/đường phố, thôn, xóm	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Quốc gia	Số nhà/đường phố, thôn, xóm	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố		
1																		
2																		
3																		
...																		
...																		
...																		

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

..., ngày... /... /.....

CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Dành cơ quan thuế ghi For tax office only
Ngày nhận tờ khai: Date of receive Nơi nhận:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **06-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
TAX REGISTRATION FORM

MÃ SỐ THUẾ TAX IDENTIFICATION NUMBER	*Dành cho cơ quan thuế ghi* *For tax office only*

DÙNG CHO CÁC CƠ QUAN NGOẠI GIAO, CƠ QUAN LÃNH SỰ, CƠ QUAN ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC QUỐC TẾ
Use for diplomatic, consulate, international organization

1. Tên cơ quan đại diện Name of missions

2. Trụ sở tại Việt Nam Address in Vietnam
2a. Số nhà, đường phố, thôn xóm: Number, Street name
2b. Phường/ xã: Ward
2c. Quận/ Huyện: District
2d. Tỉnh/ Thành phố: Province/ City
2e. Điện thoại: Fax: Tel

3. Đăng ký xuất nhập khẩu:	
☐ Có Yes	☐ Không No

4. Tài liệu kèm theo: (Attachments)

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

	..., ngày..../..../..... *..., date ...../...../.....* **TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN HOẶC PHÓ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN** Head or Deputy Head of Mission *Ký tên* *Signature*

Vụ Lễ tân Bộ ngoại giao xác nhận Cơ quan đại diện nêu trên thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi miễn trừ ngoại giao

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...
Ha Noi, date ... month ... year...
VỤ TRƯỞNG VỤ LỄ TÂN
Director of Protocol Department
Ký tên, đóng dấu - nếu có
Signature

Mẫu số: 06-ĐK-TCT-BK01
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Viên chức ngoại giao thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng
(Kèm theo Mẫu số 06-ĐK-TCT)
List of Diplomatic staff entitled to VAT refund

Tên cơ quan: .....

Số TT No.	Tên Name	Quốc tịch Nationality	Chức danh Position	Hộ chiếu số Passport or Identify number

..., *ngày*...../...../.....
..., *date* ...../...../.....
TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN HOẶC PHÓ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
Head or Deputy Head of Mission
Ký tên
Signature

Mẫu số: **08-MST**
(Ban hành kèm theo Thông tư 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

☐ Doanh nghiệp ☐ Tổ chức khác và cá nhân

Tên người nộp thuế: .....
Mã số thuế: .....
Địa chỉ trụ sở chính:.....
Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu **(1)**	**Thông tin đăng ký cũ** **(2)**	**Thông tin đăng ký mới** **(3)**
I- Điều chỉnh thông tin đã đăng ký: Ví dụ: - Chỉ tiêu 3: Địa chỉ nhận Thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT - ..... **II- Bổ sung thông tin:** Ví dụ: - Bảng kê 01-ĐK-TCT-BK06 - ...	124 Lò Đúc-Hà Nội	235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội Số tài khoản: 01011122334455 Tên ngân hàng: Vietcombank ...

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN:
- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.
- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.
- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

Mẫu số: 09-MST
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ:...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ: ....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TB-CT(CCT)

...., ngày .... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc người nộp thuế chuyển địa điểm

Thời điểm chuyển địa điểm: ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi:.....

Cục Thuế/Chi cục Thuế:..... xin thông báo:

Người nộp thuế: .....

MST/MSDN:.....

Chuyển địa điểm kinh doanh từ:

Địa chỉ trụ sở cũ: ..... Quận/huyện: .....
Tỉnh/TP: .....

Đến:

Địa chỉ trụ sở mới: ..... Quận/huyện: .....
Tỉnh/TP: .....

Số điện thoại liên hệ mới: .....

1. Tình trạng nộp hồ sơ khai thuế của NNT đến thời điểm chuyển đi:

Hồ sơ khai thuế phải nộp		Kỳ tính thuế	Trạng thái (Nộp chậm chưa xử lý/Chưa nộp)	Tình hình vi phạm nộp hồ sơ khai thuế (nếu có)	Đề nghị tiếp tục xử lý
Tên hồ sơ	Ký hiệu				

2. Nghĩa vụ nộp thuế của NNT đến thời điểm chuyển đi:

Loại thuế	Mã tiểu mục	Kỳ thuế	Số tiền thuế, tiền phạt còn phải nộp	Số tiền thuế, tiền phạt nộp thừa	Số tiền thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau

3. Đã kiểm tra quyết toán các năm; đã hoàn thuế chưa kiểm tra:

.....

4. Tình hình quyết toán hoá đơn với cơ quan thuế nơi chuyển đi:

- Đã quyết toán hoá đơn: .....
- Không sử dụng hoá đơn: .....

5. Nhận xét khác:

.....

.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT, ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(1)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa uỷ quyền theo quy định

Mẫu số: **10- MST**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUẾ
CERTIFICATE OF TAX REGISTRATION

MÃ SỐ NGƯỜI NỘP THUẾ TAX IDENTIFICATION NUMBER	
TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ FULL NAME OF TAXPAYER	
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH HOẶC GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG HOẶC GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ NUMBER AND DATE OF BUSINESS REGISTRATION CERTIFICATE OR ESTABLISHMENT AND OPERATION CERTIFICATE, INVESTMENT CERTIFICATE	
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM CỦA QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP (đối với tổ chức) NUMBER AND DATE OF ESTABLISHMENT DECISION (FOR ORGANIZATION)	
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM, NƠI CẤP CHỨNG MINH THƯ NHÂN DÂN/CĂN CƯỚC CÔNG DÂN/HỘ CHIẾU (đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh) NUMBER OF IDENTITY CARD/CITIZEN IDENTIFICATION/PASSPORT ISSUED ON (DD/MM/YY) IN.... (FOR PERSONAL)	
NGÀY CẤP MÃ SỐ THUẾ DATE OF ISSUING TAX IDENTIFICATION NUMBER	
CƠ QUAN THUẾ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP TAX DEPARTMENT IN CHARGE	

..., ngày ..... tháng ..... năm .....
(dd/mm/yy)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT

LƯU Ý:

1. Người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký thuế để cấp mã số thuế và thủ tục đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế.

2. Mỗi một người nộp thuế chỉ được cấp một mã số duy nhất bắt đầu từ khi mới thành lập, sử dụng trong suốt quá trình hoạt động, cho đến khi chấm dứt tồn tại. Một mã số thuế được gắn liền với một pháp nhân hoặc thể nhân nộp thuế. Một pháp nhân nộp thuế chấm dứt tồn tại mã số thuế sẽ không còn giá trị sử dụng. Tổ chức, cá nhân nộp thuế thay đổi tư cách pháp nhân thì pháp nhân mới phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế để được cấp mã số thuế mới. Mã số thuế cho cá nhân sẽ không thay đổi trong suốt cuộc đời của cá nhân đó, cơ quan thuế không cấp mã số thuế mới cho các cá nhân nộp thuế đã được cấp mã số thuế.

3. Người nộp thuế phải ghi mã số thuế trên mọi giấy tờ giao dịch, hợp đồng kinh tế, hoá đơn, chứng từ mua, bán hàng hoá, dịch vụ, chứng từ thanh toán qua ngân hàng, sổ sách kế toán, tờ khai thuế, chứng từ nộp thuế.

4. Người nộp thuế khi chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế và không được phép sử dụng lại mã số thuế đã bị chấm dứt hiệu lực.

5. Người nộp thuế vi phạm về đăng ký thuế và sử dụng mã số thuế sẽ bị xử phạt đối với các hành vi vi phạm về kê khai đăng ký thuế theo quy định.

Mẫu số: 11- MST
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ: ...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày (date) ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO MÃ SỐ THUẾ
TAX IDENTIFICATION NUMBER (TIN) NOTIFICATION

Cục Thuế/Chi cục Thuế thông báo mã số thuế của người nộp thuế như sau:
The Tax Department of ..... Province/City/district hereby would like to inform your TIN as follows:

Mã số thuế: .....
Tax identification number

Tên người nộp thuế: .....
Full name of Taxpayer

Địa chỉ trụ sở: .....
Office address

Ngày cấp mã số thuế: .....
Date of issue

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp: .....
Tax Department in charge

Yêu cầu người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế.
You are required to use this Tax Identification Number in accordance with stipulated regulations as from the date of TIN issuance.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT

Mẫu số: **12- MST**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ:...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ:...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày (date) ... tháng ... năm ...

GIẤY CHỨNG NHẬN MÃ SỐ THUẾ CÁ NHÂN
CERTIFICATE OF PERSONAL TAX REGISTRATION

Cục Thuế/Chi cục Thuế thông báo mã số thuế của cá nhân như sau:
The Tax Department of ..... Province/City/district hereby would like to inform your TIN as follows:

Mã số thuế : .....
Tax identification number

Tên người nộp thuế : .....
Full name of Taxpayer

Số CMND hoặc CCCD hoặc Hộ chiếu..... ngày cấp ..... nơi cấp.....
Number of identify card/citizen identification/passport..... date of isue (dd/mm/yy) ... place of isue....

Địa chỉ thường trú : .....
Residential address

Địa chỉ cư trú : .....
Current address

Ngày cấp mã số thuế : .....
Date of issue

Yêu cầu người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế.
You are required to use this Tax Identification Number in accordance with stipulated regulations as from the date of TIN issuance.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT

LƯU Ý:

- Giấy chứng nhận này ghi mã số thuế của cá nhân.
- Ghi chính xác mã số thuế của mình trong tất cả các tờ khai hoặc chứng từ nộp thuế với cơ quan thuế (nếu trực tiếp nộp thuế).
- Trường hợp mất Giấy chứng nhận, thay đổi tên hoặc địa chỉ phải báo ngay cho cơ quan thuế nơi hiện đang đăng ký nộp thuế và đang cư trú.
- Mọi trường hợp gian lận hoặc sử dụng quá một mã số thuế sẽ bị xử phạt hành chính.

Mẫu số: 13- MST
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUẾ/THÔNG BÁO MÃ SỐ THUẾ

Kính gửi: .....

Tên người nộp thuế, cá nhân (*Ghi theo đăng ký thuế*): .....

.....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Ghi theo đăng ký thuế*): .....

Địa chỉ kinh doanh *(Nếu có):*

Lý do đề nghị cấp lại:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu

Ghi chú:
Hộ, cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh không cần đóng dấu.

Mẫu số: 14- MST
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ:.....
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ.....

Số:...../TB-CT(CCT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Danh sách mã số thuế của cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập

Cơ quan thuế thông báo mã số thuế của các cá nhân theo hồ sơ đăng ký thuế ngày .../.../... của <tên cơ quan chi trả thu nhập> gửi đến cơ quan thuế như sau:

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Số CMND/ CCCD	Số hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ cư trú	Ngày cấp mã số thuế
1									
2									
3									
...									
...									
...									

Yêu cầu <tên cơ quan chi trả thu nhập> thông báo mã số thuế cho từng cá nhân có tên tại danh sách nêu trên. Cá nhân phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(1)
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu

Ghi chú: (1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: **15/BB- BKD**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký

Vào .....giờ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Thành phần gồm:

- Đại diện chính quyền địa phương (nêu cụ thể tên và chức vụ của cán bộ tham gia):

+ Ông (bà): .....

+ Ông (bà): .....

- Đại diện cơ quan thuế (nêu cụ thể tên và chức vụ của cán bộ tham gia):

+ Ông (bà): .....

+ Ông (bà): .....

Lập Biên bản xác minh về tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế như sau:

- Tên người nộp thuế .....; Mã số thuế: .....

- Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: số ....., cấp ngày ... tháng ... năm ..., cơ quan cấp .....

- Đại diện theo pháp luật của người nộp thuế: .....

Chức vụ ...; CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ...; ngày cấp ... Cơ quan cấp: ....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế cấp ngày .../.../...; cơ quan cấp .....

- Địa chỉ đã đăng ký: .....

Tại thời điểm xác minh tình trạng hoạt động kinh doanh của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký (số nhà ....., đường phố/xóm/ấp/thôn .....,

phường/xã/thị trấn ....., tỉnh, thành phố.....), Tổ công tác ghi nhận kết quả xác minh thực tế như sau: (ghi kết quả xác minh)

Đại diện cơ quan thuế *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Người nộp thuế cam kết có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký**[1] *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu – nếu có)*
Đại diện cơ quan .....[2] *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**UBND phường/xã/thị trấn xác nhận nội dung nêu tại biên bản này là đúng thực tế**[2] *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Đại diện cơ quan .....[2] *(Ký, ghi rõ họ tên)*	

Lưu ý:

(1) Trường hợp người nộp thuế có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký: Người nộp thuế phải ký xác nhận vào Biên bản và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

(2) Trường hợp người nộp thuế không có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký: Cơ quan chính quyền địa phương xác nhận kết quả xác minh vào Biên bản để cơ quan thuế có căn cứ xử lý tiếp theo quy định.

Mẫu số: **16/TB-ĐKT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ ...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TB-CT(CCT)

....., *ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
Về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Kính gửi: .....(1)....., ...(2).....
.....(3).....

Căn cứ Biên bản xác minh người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký ngày ...., Cục Thuế (hoặc Chi cục Thuế) ....., thông báo:

Người nộp thuế .....;

Mã số thuế/mã số doanh nghiệp ....., đơn vị cấp: .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: số... ngày cấp ... cơ quan cấp.....

Ngành nghề kinh doanh chính: .....

Người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế: .....

Chức vụ: ...; CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .....; Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Người nộp thuế nêu trên không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ ngày .../.../... <ngày ghi trên biên bản> nhưng không khai báo với cơ quan thuế theo quy định.

1. Tình hình kê khai thuế: .....

2. Tình hình nợ ngân sách nhà nước đến ngày .../.../... như sau:

STT	Loại tiền thuế, tiền phạt	Mã Tiểu mục	Số tiền nợ
1	.....		
2	.....		
...	.....		
	Tổng cộng		

3. Tình hình sử dụng hoá đơn:

Theo Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn kỳ ... của người nộp thuế gửi đến cơ quan thuế ngày .../.../..., người nộp thuế còn tồn các hoá đơn đã phát hành nhưng chưa sử dụng như sau:

STT	Tên loại hóa đơn	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hoá đơn	Từ số - đến số	Số lượng
1					
2					
...					

Trường hợp người nộp thuế là đơn vị chủ quản có các đơn vị trực thuộc thì mã số thuế của các đơn vị trực thuộc đồng thời bị cơ quan thuế cập nhật trạng thái không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo trạng thái mã số thuế của đơn vị chủ quản.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- ...
- ...;
- Lưu: VT, KK&KTT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(4)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

(1): Tên người nộp thuế.
(2): Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế của người nộp thuế
(3): Địa chỉ của người nộp thuế
(4): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: **17/TB- ĐKT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ:...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ:...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CT(CCT)

....., *ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
Về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Kính gửi: .....(1)....., ...(2).....
.....(3).....

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Căn cứ Thông tư số .../2016/TT-BTC ngày .... của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của .....(1)..... <hoặc hồ sơ hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi làm thủ tục giải thể tại cơ quan đăng ký kinh doanh của .....(1).....> nộp ngày.../.../....

....(4)... thông báo hiện đang tiến hành làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế <hoặc làm các thủ tục liên quan đến quyết toán thuế, hoá đơn đối với trường hợp giải thể doanh nghiệp> của người nộp thuế.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ theo địa chỉ:

.....(5).....

Địa chỉ: .....(6).....

Số điện thoại: Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để ....(1).... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
-Như trên;
- .....
- Lưu: VT, KK&KTT

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (7)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1): Tên người nộp thuế.
(2): Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế của người nộp thuế
(3): Địa chỉ của người nộp thuế
(4): Tên cơ quan thuế ban hành thông báo
(5): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
(6): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế nơi ban hành Thông báo
(7): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: **18/TB- ĐKT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ:...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ:...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CT(CCT)

....., *ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
Về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Kính gửi: .....(1)....., ...(2).....
.....(3).....

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật số 21/2012/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của .....(1)..... nộp ngày .../.../....

...(4)... thông báo ....(1)...., địa chỉ ...(3)... chấm dứt hiệu lực mã số thuế ...(2)... từ ngày .../.../.... Mã số thuế đã chấm dứt hiệu lực không được sử dụng trong các giao dịch kinh tế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ theo địa chỉ:
.....(5).....
Địa chỉ: .....(6).....
Số điện thoại: Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để ....(1).... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
-Như trên;
- ...;
- Lưu VT, KK&KTT

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (7)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1): Tên người nộp thuế.
(2): Mã số thuế của người nộp thuế
(3): Địa chỉ của người nộp thuế
(4): Tên Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế ban hành Thông báo
(5): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
(6): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế nơi ban hành Thông báo
(7): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: **19/TB- ĐKT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ:...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ:...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CT(CCT)

....., *ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
Về việc khôi phục mã số thuế

Kính gửi: .....(1)....., ...(2)....
.....(3).....

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Căn cứ Thông tư .../2016/TT-BTC ngày ... của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

Căn cứ công văn số .... ngày .... của .....(1)..... về việc đề nghị khôi phục trạng thái mã số thuế và các tài liệu đính kèm.

.....(4)..... thông báo khôi phục trạng thái hoạt động của mã số thuế ....(2)... cho.....(1)..... địa chỉ .....(3)..... như sau:

+ Trạng thái mã số thuế trước khi khôi phục: .....

+ Trạng thái mã số thuế sau khi khôi phục: .....

+ Lý do khôi phục mã số thuế: .....

.....(1)..... được phép sử dụng mã số thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế kể từ ngày ghi trên Thông báo này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...;
- Lưu VT, KK&KTT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (5)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

(1): Tên người nộp thuế
(2): Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế của người nộp thuế
(3): Địa chỉ của người nộp thuế
(4): Tên Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế ban hành Thông báo
(5): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: 20-ĐK-TCT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC CỦA CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

☐ **Đăng ký thuế** ☐ **Thay đổi thông tin đăng ký thuế** ☐ **Giảm trừ gia cảnh**

1. Họ và tên cá nhân có thu nhập:.....
2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | |
3. Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số NPT:.....
4. Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):.....

5. Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

6. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

I. Người phụ thuộc đã có MST hoặc chưa có mã số thuế nhưng có CMND/CCCD/Hộ chiếu

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh	Mã số thuế (nếu có)	Quốc tịch	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
3								
...								

II. Người phụ thuộc chưa có MST/ CMND/ Hộ chiếu												
STT	**Họ và tên**	**Thông tin trên giấy khai sinh**							**Quốc tịch**	**Quan hệ với người nộp thuế**	**Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)**	**Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)**
		Ngày sinh	Số	Quyển số	Nơi đăng ký							
					Quốc gia	Tỉnh/ Thành phố	Quận/ Huyện	Phường /Xã				
(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1												
2												
3												
...												
...												

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **20-ĐK-TH-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ TỔNG HỢP CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC CỦA CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG THÔNG QUA CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP

☐ **Đăng ký thuế** ☐ **Thay đổi thông tin đăng ký thuế** ☐ **Giảm trừ gia cảnh**

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập:.....

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

I. Người phụ thuộc đã có MST hoặc chưa có mã số thuế nhưng có CMND/ CCCD/ Hộ chiếu

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh	Mã số thuế (nếu có)	Quốc tịch	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu	Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh	Tên cá nhân có thu nhập	Mã số thuế của cá nhân có thu nhập	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/ năm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
3										
...										

II. Người phụ thuộc chưa có MST/ CMND/ Hộ chiếu														
STT	**Họ và tên**	**Thông tin trên giấy khai sinh**							**Quốc tịch**	**Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh**	**Tên cá nhân có thu nhập**	**MST của cá nhân có thu nhập**	**Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/ năm)**	**Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/ năm)**
		Ngày sinh	Số	Quyển số	Nơi đăng ký									
					Quốc gia	Tỉnh/ Thành phố	Quận/ Huyện	Phường /Xã						
(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)
1														
2														
3														
...														
...														

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...,ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **21-MST**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ ...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ: ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TB-CT(CCT)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc mã số thuế người phụ thuộc

Kính gửi: Ông/Bà .....
Mã số thuế: .....
Địa chỉ: .....

Cơ quan thuế thông báo mã số thuế của người phụ thuộc theo hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế như sau:

STT	Tên người phụ thuộc	Mã số thuế của người phụ thuộc	Số CMND/ CCCD (người phụ thuộc từ 14 tuổi trở lên)	Số hộ chiếu	Số giấy khai sinh (người phụ thuộc dưới 14 tuổi)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ cư trú	Ngày cấp mã số thuế
1										
2										
3										
...										
...										
...										

Yêu cầu người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế của người phụ thuộc theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: **22-MST**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ ...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ: ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ... /TB-CT(CCT)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Danh sách mã số thuế của người phụ thuộc đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập

Cơ quan thuế thông báo mã số thuế người phụ thuộc của các cá nhân theo hồ sơ đăng ký thuế ngày .../.../... của <tên cơ quan chi trả thu nhập> gửi đến cơ quan thuế như sau:

STT	Tên người phụ thuộc	Mã số thuế của người phụ thuộc	Số CMND/ CCCD (người phụ thuộc từ 14 tuổi trở lên)	Số hộ chiếu	Số giấy khai sinh (người phụ thuộc dưới 14 tuổi)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ cư trú	Ngày cấp mã số thuế
1										
2										
3										
...										
...										
...										

Yêu cầu <tên cơ quan chi trả thu nhập> thông báo mã số thuế cho từng cá nhân có đăng ký người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập theo danh sách nêu trên. Người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế của người phụ thuộc theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: **23/ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

THÔNG BÁO
Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của người nộp thuế

Kính gửi: .....

Tên người nộp thuế (*ghi theo đăng ký thuế*): .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*ghi theo đăng ký thuế*): .....

Địa chỉ kinh doanh *(nếu có)*:.....

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh:

Thời gian tạm ngừng: .....

Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngày .../.../...

Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngày .../.../...

Lý do tạm ngừng kinh doanh: .....

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo với cơ quan thuế:

Thời điểm tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Ngày .../.../...

Lý do tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: .....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của thông báo này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Hộ, cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh không cần đóng dấu.

Mẫu số: **24/ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT HIỆU LỰC MÃ SỐ THUẾ

Kính gửi: .....

Tên người nộp thuế (*ghi theo đăng ký thuế*): .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*ghi theo đăng ký thuế*): .....

Địa chỉ kinh doanh *(nếu có)*: .....

Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế:.....

.....

.....

Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của thông báo này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Hộ, cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh không cần đóng dấu.

Mẫu số: **25/ĐK - TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KHÔI PHỤC MÃ SỐ THUẾ

Kính gửi: .....

Tên người nộp thuế (*ghi theo đăng ký thuế*): .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*ghi theo đăng ký thuế*): .....

Địa chỉ kinh doanh *(nếu có)*:.....

Lý do đề nghị khôi phục mã số thuế: .....

.....

.....

Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của thông báo này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Hộ, cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh không cần đóng dấu.

Mẫu số: **26/TB - ĐKT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ: ...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ: ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CT(CCT)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc đơn vị chủ quản được nhận diện không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Kính gửi: .....(1)....., ...(2).....
.....(3).....

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Căn cứ Thông tư .../2016/TT-BTC ngày ... của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

.....(4)..... thông báo, ...(5) ....., ...(6)..... có dấu hiệu không hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký. Cơ quan thuế đang tiến hành xác minh thực tế.

Trường hợp sau xác minh, đơn vị chủ quản được xác định không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký thì đơn vị trực thuộc cũng đồng thời bị cập nhật trạng thái không hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký theo trạng thái của đơn vị chủ quản.

.....(4)..... thông báo cho .....(1)..... được biết.

Nơi nhận:
- Như trên;
- <Tên cơ quan thuế quản lý đơn vị trực thuộc>;
- Lưu VT, KK&KTT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (7)
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1): Tên người nộp thuế là đơn vị trực thuộc của đơn vị chủ quản đang có dấu hiệu không kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký
(2): Mã số thuế của đơn vị trực thuộc
(3): Địa chỉ của người nộp thuế là đơn vị trực thuộc
(4): Tên Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế ban hành Thông báo
(5): Tên người nộp thuế là đơn vị chủ quản
(6): Mã số thuế của đơn vị chủ quản
(7): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định